

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ YÊN THƯỢNG
(1930 - 2015)

1900

1900-1901

1900-1901

**ĐẢNG BỘ HUYỆN CHỢ ĐỒN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ YÊN THƯỢNG**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ YÊN THƯỢNG
(1930 - 2015)**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(1930 - 2015)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890-1969)

Người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Triệu Văn Hiệp

Bí thư Đảng ủy xã - Trưởng ban

Triệu Văn Đắc

Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch HĐND xã - Phó ban

Nông Văn Hùng

Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã - Phó ban

Ma Thị Thu Thương

Công chức Tài chính kế toán xã - Ủy viên

Vương Quốc Tuấn

Công chức văn phòng xã - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Triệu Văn Đắc

Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Nông Văn Hùng

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phó ban

Ma Văn Cao

Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã - Phó ban

Hoàng Văn Danh

Phó Chủ tịch HĐND xã - Ủy viên

Nông Văn Thao

Đảng ủy viên, Xã đội trưởng - Ủy viên

Ma Văn Hồi

Công chức Văn hóa xã hội - Ủy viên

Ma Văn Thái

Đảng ủy viên, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã - Ủy viên

Lục Thị Tâm

Đảng ủy viên, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã - Ủy viên

Triệu Văn Hòa

Đảng ủy viên, Công chức Tư pháp, cán bộ tuyên giáo
Ủy viên

Lục Thanh Huyền

Đảng ủy viên, Công chức Địa chính xã - Ủy viên

Ma Đình Đức

Đảng ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân xã - Ủy viên

Nông Phi Hùng

Đảng ủy viên, Trưởng Công an xã - Ủy viên

Ma Thị Thiết

Công chức Văn phòng xã - Ủy viên

NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

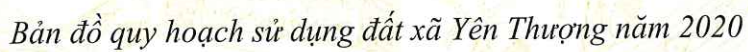
Thạc sỹ, Nhà báo: **Nguyễn Nguyên Hạnh**

Thạc sỹ Lịch sử: **Nguyễn Ngọc Diệp**

Thạc sỹ Lịch sử: **Ngô Thị Ngà**

PHẦN CHỢ ĐÓN

TỈNH BẮC KẠ







LỜI NÓI ĐẦU

Yên Thượng là xã miền núi phía Tây huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, đây là vùng đất có nhiều truyền thống cách mạng. Con người nơi đây anh dũng trong đấu tranh; cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất và hiền hòa trong cuộc sống hàng ngày.

Những đảng viên đầu tiên của xã trước năm 1947 sinh hoạt trong Chi bộ ghép Ngọc Bằng, trải qua thời gian ngày càng trưởng thành, năm 1958, xã Yên Thượng được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Yên Thịnh, đồng thời Chi bộ xã Yên Thượng cũng được thành lập. Năm 1983, Chi bộ Yên Thượng chính thức được phát triển lên thành Đảng bộ. Từ đây, Đảng bộ với những nhân tố tích cực không ngừng trưởng thành, đúc kết nhiều kinh nghiệm, giữ vai trò lãnh đạo sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong xã.

Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bước sang giai đoạn cách mạng mới, phát huy truyền thống quê hương anh hùng,

Đảng bộ và nhân dân Yên Thượng đã nhanh chóng đổi mới tư duy, vượt qua mọi khó khăn đưa quê hương từng ngày “thay da, đổi thịt”, vươn lên hòa chung cùng nhịp độ phát triển của đất nước.

Ngày nay, Đảng bộ và nhân dân xã Yên Thượng đang tích cực thực hiện sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và đã thu được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực. Diện mạo quê hương không ngừng được đổi mới; đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, nhân dân ngày càng được nâng cao. Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch, vững mạnh. Những thành tích của Đảng bộ và nhân dân Yên Thượng được ghi nhận trong nhiều bằng khen và giấy khen của các cấp trao tặng. Đó là những thành tích có ý nghĩa rất lớn, đã và đang tạo ra thế và lực mới đưa Yên Thượng phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục, tiếp nối từ quá khứ đến hiện tại. Tìm hiểu về quá khứ, ôn lại truyền thống, để rút ra những kinh nghiệm cho hôm nay và mai sau là một việc làm có ý nghĩa to lớn. Điều đó thể hiện tinh thần “*Uống nước nhớ nguồn*”, trân trọng và tri ân những thành quả mà cha ông đã làm nên. Thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và căn cứ vào các Chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Chợ Đồn về việc *tăng*

*cường công tác sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng bộ và giáo dục truyền thống cách mạng, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Yên Thượng khóa XXI (nhiệm kỳ 2015-2020) đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/ĐU ngày 26-10-2015 về việc tổ chức sưu tầm, nghiên cứu biên soạn và xuất bản cuốn: “**Lịch sử Đảng bộ xã Yên Thượng (1930-2015)**”.*

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ xã luôn xác định việc tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo và rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ là một việc làm quan trọng, có ý nghĩa lớn lao. Quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế của xã đã góp phần vào công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Việc tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ xã là công trình khoa học lịch sử nhằm tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng Đảng và khẳng định truyền thống yêu nước, yêu cách mạng, những kết quả xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của Đảng bộ và nhân dân xã Yên Thượng.

Quá trình sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách Ban chỉ đạo, Ban sưu tầm và bộ phận biên soạn đã có nhiều cố gắng song không tránh khỏi thiếu sót, do việc lưu trữ tài liệu qua các thời kỳ chưa được chặt chẽ, nhân chứng lịch sử không còn nhiều. Ban Chấp hành Đảng

bộ xã Yên Thượng xin tiếp thu những ý kiến góp ý của các đồng chí và nhân dân cùng bạn đọc để cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Yên Thượng (1930-2015) được hoàn thiện hơn ở lần tái bản sau.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã chân thành cảm ơn sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy Chợ Đồn, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Đồn, sự giúp đỡ của các đồng chí cán bộ, đảng viên từng hoạt động, công tác ở xã qua các thời kỳ. Cảm ơn các đồng chí trong Ban chỉ đạo, Ban sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình khoa học “**Lịch sử Đảng bộ xã Yên Thượng (1930-2015)**”.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư Đảng ủy

Triệu Văn Hiệp

Chương I

YÊN THƯỢNG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Yên Thượng là xã nằm ở phía Tây huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, cách trung tâm huyện (thị trấn Bằng Lũng) 15km. Phía Bắc giáp xã Bản Thi; phía Nam giáp xã Lương Bằng và xã Bằng Lăng; phía Tây giáp xã Yên Thịnh và tỉnh Tuyên Quang; phía Đông giáp xã Ngọc Phái, thị trấn Bằng Lũng.

Trên địa bàn xã có 4 dân tộc cùng sinh sống: Tày, Nùng, Kinh, Dao; trong đó dân tộc Tày chiếm đa số (93%). Năm 2015, xã có 367 hộ với gần 1.500 nhân khẩu.

Khí hậu của xã có những nét đặc trưng của khí hậu miền núi Bắc Bộ, nhiệt đới gió mùa. Mùa đông khô và lạnh. Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình các tháng cao nhất (tháng 6, 7) là 28-35°C; các tháng lạnh nhất (tháng 1, 2) là 16,1°C và nhiệt độ thấp

có giá trị kinh tế cao. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển các ngành kinh tế như nông - lâm nghiệp. Điều kiện tự nhiên của xã có nhiều thuận lợi để phát triển lâm nghiệp, kinh tế vườn rừng. Tuy nhiên, quỹ đất xây dựng khá hạn hẹp, không thuận lợi để phát triển các điểm dân cư tập trung. Do đó, việc đầu tư hạ tầng nhằm cải thiện đời sống và phát triển kinh tế cũng có nhiều bất lợi, chi phí lớn. Địa hình của xã phù hợp với các dạng phân bố dân cư và sản xuất phân tán, canh tác nhỏ hẹp, do đó gặp nhiều bất lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Điều kiện kinh tế

Năm 2015, tổng diện tích tự nhiên của xã là 4.977ha, trong đó: đất nông nghiệp là 3.498,77ha; đất phi nông nghiệp là 630,57ha; đất chưa sử dụng là 841,55ha. Đất nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhưng chưa đem lại năng suất và hiệu quả sử dụng cao. Diện tích đất chưa sử dụng lớn nhưng chủ yếu là đồi, vì vậy không thể khai thác lâm sản cho mục tiêu phát triển kinh tế.

Nền kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, hoạt động chính là trồng cây lương thực, chăn nuôi và trồng rừng. Trong cơ cấu kinh tế, nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng hơn 90% tổng giá trị sản xuất. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã chưa

ổn định. Nông nghiệp bị ảnh hưởng và chịu sự chi phối bởi các yếu tố như: thời tiết, dịch bệnh. Sự đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án còn hạn chế. Trong định hướng phát triển, cơ cấu kinh tế dần dần từng bước chuyển dịch theo hướng: ngành thương mại dịch vụ tăng; ngành nông - lâm nghiệp chuyển dần sang hướng sản xuất hàng hóa.

Nông nghiệp được coi là ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế của xã, nhưng phần lớn đất canh tác của xã là trồng lúa và trồng cây hàng năm ở các sườn đồi, nên sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền xã cùng với nỗ lực vượt khó của nhân dân, sản xuất nông nghiệp của xã đã có những chuyển biến đáng kể:

Năm 2011, lúa vụ xuân cấy được 70/78ha, năng suất đạt 47,6 tạ/ha, sản lượng đạt 371,28 tấn. Vụ mùa cấy được 94,03/94ha (đạt 100,03% kế hoạch), năng suất là 44,3 tạ/ha, sản lượng đạt 416,51 tấn.

Cây ngô vụ xuân: Diện tích thực hiện đạt 30/35ha, năng suất 41 tạ/ha, sản lượng đạt 143,5 tấn. Vụ mùa: Diện tích thực hiện đạt 29ha, năng suất là 35 tạ/ha, sản lượng đạt 101,5 tấn.

Tổng sản lượng lương thực cây có hạt cả năm của xã đạt 787,79 tấn (100% kế hoạch). Lương thực bình quân đầu người trong năm 2011 đạt 539 kg/người/năm.

Chăn nuôi phát triển nhưng chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế vốn có của địa phương. Sản xuất hàng hóa chủ yếu là chăn nuôi lợn thịt. Chăn nuôi trâu bò chủ yếu lấy sức kéo phục vụ cho sản xuất là chính. Tính đến đầu tháng 4-2011, tổng số đàn trâu của xã có khoảng 239 con, tổng đàn lợn là 1.200 con và gia cầm khoảng 10.000 con.

Yên Thượng là xã có tiềm năng và thế mạnh trong phát triển kinh tế lâm nghiệp, hoạt động sản xuất trên địa bàn xã tập trung vào trồng rừng theo Dự án 661, 147. Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, chỉ đạo kiểm tra thường xuyên. Cán bộ kiểm lâm địa bàn và cán bộ kiểm lâm xã phối hợp cùng các trưởng thôn phát huy tốt vai trò, tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý và bảo vệ rừng.

Với tiềm năng về mặt nước để nuôi trồng thủy sản, diện tích ao được mở mang, số ao kiên cố tăng theo các năm. Mô hình nuôi cá kết hợp cấy lúa đem lại thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình trong xã. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt khoảng 18,6ha; sản lượng ước đạt 30 tấn mỗi năm. Ngoài ra, xã còn tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, các nhà đầu tư, các hộ gia đình đầu tư vốn mở mang sản xuất, đáp ứng nhu cầu của nhân dân như: chế biến gỗ và sản xuất đồ dân dụng...

Ngày nay, do sự phát triển của khoa học công nghệ, sự giao lưu kinh tế không ngừng mở mang trong vùng và

giữa miền xuôi, miền ngược, một số nghề truyền thống đã bị mai một. Nhưng nhìn chung, nền kinh tế của nhân dân ở đây vẫn rất phong phú, đa dạng, mang tính chất tự túc, tự cấp cao. Ngoài tự sản xuất, tự tiêu, nhân dân các dân tộc trong xã còn đẩy mạnh giao lưu với các địa phương. Một số chợ đã hình thành cách ngày nay hàng thế kỷ như chợ ở Bản Thi, Bản Cậu, chợ Bằng Lũng, và chúng ta tìm thấy địa danh (tên) chợ còn lưu lại tại Yên Thượng như Tông Chợ.

Điều kiện xã hội

Tính đến ngày 1-1-2011, dân cư Yên Thượng phân bố ở 10 thôn bản, thu nhập bình quân đạt khoảng 9 triệu đồng/người/năm, nhìn chung còn thấp so với bình quân chung của huyện. Năm 2015, thu nhập bình quân đạt 17 triệu đồng/người/năm.

Là xã vùng sâu, vùng xa nhưng xã luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế xã hội khó khăn. Trên địa bàn xã không có cá nhân, hộ gia đình nào tham gia sinh hoạt trong các tôn giáo và các tổ chức bất hợp pháp khác. 100% hộ gia đình thực hiện tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên theo phong tục, tập quán truyền thống.

Số lao động trong độ tuổi của xã là 1.000 người, trong đó chủ yếu là lao động trong sản xuất nông

nghiệp (chiếm hơn 80%). Hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo của xã là 3,03%.

Trong lĩnh vực giáo dục: Sau khi tách xã năm 1958, Yên Thượng có một phân trường mở tại Pò Nà Khem, Bản Bậy có hai lớp từ lớp 1 đến lớp 2, cô giáo Hà Thị Điệp (quê Bằng Lãng), thầy Đàm (quê Bình Trung) trực tiếp giảng dạy. Đến năm 1966, xã có đủ 4 lớp (từ lớp 1 đến lớp 4) do thầy Ma Đình Đạt (thôn Nà Huống) làm Hiệu trưởng.

Năm 1977, trường cấp I chuyển từ Đon Trang xuống Nà Ca - Bản Bậy, có bốn lớp (từ lớp 1 đến lớp 4) do thầy Ma Văn Thông làm Hiệu trưởng.

Năm 1979, ông Ma Văn Đường - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã xuống Thái Nguyên (Bắc Thái lúc chưa tách tỉnh) xin mở trường cấp II ở xã Yên Thượng.

Năm 1981, trường cấp I, cấp II được mở tại Nà Ca - Bản Bậy - Yên Thượng có 2 lớp (lớp 5, 6). Đến năm 1983 có thêm lớp 7 và trường học chuyển về khu B Che Ngù, giai đoạn này do thầy Ma Văn Thông - Pác Cộp, thầy Ma Văn Khang - Che Ngù, thầy Ma Hoàn Sơn - Che Ngù, thầy Sầm Văn Lao - Pác Cộp làm Hiệu trưởng. Năm 1993 do không có đủ học sinh nên trường cấp II dời về học chung tại Trường cấp II Yên Thịnh.

Hiện nay, xã có một trường Mầm non gồm điểm trường trung tâm và 1 phân trường, cơ sở vật chất, trang

thiết bị cho giảng dạy còn thiếu thốn nhiều. Trường tiểu học của xã có cơ sở vật chất tốt hơn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Năm 2011, trường Tiểu học của xã đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

Lĩnh vực y tế: Sau khi chia tách xã, trạm xá xã được đặt tại Bản Bâ do ông Nông Văn Thường phụ trách. Trạm chỉ có 1-2 giường bệnh, cơ sở vật chất thô sơ, thiếu thốn. Y tá lúc này chỉ có vài người như ông Tho Văn Hiền, bà Ma Thị Thông. Đến năm 1986, trung đoàn 204 về khai thác vầu để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Bãi Bằng. Về sau, trung đoàn đã xây kỷ niệm cho trạm xá xã một ngôi nhà 3 gian có phòng điều trị và phòng cho cán bộ ở, trạm được đặt tại Nà Ca (thôn Bản Bâ). Năm 1995, Trạm Y tế xã được xây dựng 5 gian tại Nà Pyao - Che Ngù, bằng nguồn vốn Dân số - kế hoạch hóa gia đình, trong thời gian này Trạm Y tế và Ban Dân số sử dụng chung. Đến năm 2001, Trạm Y tế được chuyển về Nà Kén - Che Ngù.

Qua thời gian đưa vào sử dụng, trạm y tế xã được nâng cấp, sửa chữa nhiều lần và năm 2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng công nhận xã đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I về y tế. Trụ sở Ủy ban xã hiện nay được xây dựng 2 tầng với 13 phòng làm việc, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu. Bưu điện văn hóa xã được xây dựng kiên cố nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu theo tiêu chí nông thôn mới vì chưa có Internet.

Dân cư xã Yên Thượng sinh sống chủ yếu dọc hai bên Tỉnh lộ 255. Mạng lưới đường liên xã, liên thôn đang dần được hoàn thiện.

Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trong xã được giữ vững. Hàng năm, xã đều tham gia các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy và các tệ nạn xã hội. Thực hiện hiệu quả chương trình phối hợp công tác đấu tranh phòng chống tội phạm giữa công an và Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể. Xã đã tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự như quản lý nhân khẩu, vũ khí vật liệu nổ, an toàn giao thông.

II. SƠ LƯỢC CÁC MỐC HÌNH THÀNH XÃ VÀ ĐẢNG BỘ XÃ NGÀY NAY

Làng xã: Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Yên Thượng thuộc xã Yên Thịnh, tổng Đông Viên, châu Chợ Đồn. Lý trưởng của xã là ông Lục Văn Long, Phó lý là ông Nông Văn Đình; Chánh tổng là ông Lương và Phó Chánh tổng là ông Sầm Văn Bảy ở Yên Thịnh.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Yên Thượng vẫn thuộc xã Yên Thịnh.

Năm 1958, xã Yên Thịnh chia tách thành 3 xã, gồm: Yên Thịnh, Yên Thượng và Bản Thi. Từ đây, xã Yên Thượng chính thức mang tên gọi và có địa giới hành chính độc lập.

Đến năm 2015, xã Yên Thượng gồm 10 thôn là: Nà Nhàm, Nà Mền, Pác Cộp, Bản Bậy, Bản Liên, Che Ngù, Nà Mòn, Nà Huống, Nà Cà, Nà Khuất.

Chi bộ: Trước năm 1947, tại nhà ông Ma Văn Mu - thôn Nà Huống - Yên Thượng, đồng chí Đào Xuân Cảnh ở huyện về kết nạp Đảng cho hai đồng chí Ma Văn Phủ và Hà Sỹ Dư ở xã Yên Thịnh (lúc này vẫn là xã chung). Do chưa đủ điều kiện thành lập chi bộ nên đồng chí Nguyễn Tiến Tài (làm công nhân Nhà máy thủy điện ở Bản Thi) được phân công về sinh hoạt chung và thành lập Chi bộ mới. Đồng chí Ma Văn Phủ được cử làm Bí thư Chi bộ đầu tiên.

Năm 1947, Chi bộ liên xã với tên gọi Ngọc Bằng được thành lập, gồm các xã: Bằng Lãng, Ngọc Phái, Bằng Lũng, Yên Thượng, Yên Thịnh.

Năm 1958, cùng sự kiện chia tách xã, Chi bộ xã Yên Thượng cũng chính thức được thành lập, gồm 11 đảng viên.

Năm 1983, Đảng bộ xã Yên Thượng được thành lập với 41 đảng viên, chia thành 5 chi bộ gồm: Nà Nhàm, Pác Cộp, Nà Mền là 1 chi bộ; Bản Bậy, Bản Liên là 1 chi bộ; Che Ngù, Nà Mòn là 1 chi bộ; Nà Huống, Cà Khuất là 1 chi bộ. Đồng chí Hà Sỹ Dư làm Bí thư Đảng ủy đầu tiên.

Năm 1994, Đảng bộ có 7 chi bộ, gồm: Nà Nhàm, Nà Mèn, Pác Cộp, Bản Liên, Bản Bậy, Nà Đô, Che Ngù + Nà Mòn.

Năm 1999, tách chi bộ Nà Đô thành 2 chi bộ Nà Huống và Cà - Khuất.

Năm 2001, Đảng bộ có thêm chi bộ nhà trường.

Năm 2011, tách chi bộ Ngù - Mòn thành 2 chi bộ Che Ngù và Nà Mòn.

Năm 2012, tách chi bộ tiểu học, mầm non và Cà - Khuất thành 4 chi bộ là: chi bộ Tiểu học, chi bộ Mầm non, chi bộ Nà Cà và chi bộ Nà Khuất.

Năm 2015, Đảng bộ có 119 đảng viên, sinh hoạt tại 12 chi bộ, gồm 10 chi bộ thôn bản và 2 chi bộ nhà trường (tiểu học và mầm non).

III. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Tinh thần đoàn kết, gắn bó tạo nên một cộng đồng bền vững

Yên Thượng là nơi quần tụ sinh sống của nhiều dân tộc anh em, do đó nơi đây đã hình thành nên các giá trị văn hóa lịch sử vừa đa dạng bản sắc văn hóa các dân tộc, lại vừa có bản sắc riêng nhưng vẫn hòa chung với dòng chảy của văn hóa Việt Nam.

Là một xã vùng cao, kinh tế phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp là chính. Giao thông đi lại khó khăn, cơ sở

vật chất còn nhiều thiếu thốn và xây dựng chưa đồng bộ. Do đó, nhân dân trong xã luôn phải chung tay ra sức khắc phục khó khăn để canh tác, sinh sống và tồn tại. Qua nhiều thế hệ cùng chung sống, các kinh nghiệm được truyền từ đời này sang đời khác, những cái cũ, lạc hậu được loại bỏ dần, những cái mới, tiến bộ được tiếp thu, áp dụng và mang lại hiệu quả cao. Từ đó, góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống của nhân dân. Dù cuộc sống còn rất nhiều khó khăn, nhưng mỗi khi gặp khó khăn hay hoạn nạn, tinh thần yêu thương, cố kết cộng đồng của nhân dân nơi đây lại bùng lên mạnh mẽ. Tinh thần “tối lửa tắt đèn có nhau” đã trở thành truyền thống tốt đẹp và tiếp tục được phát huy.

Từ bao đời nay trong cuộc sống sinh hoạt, nhân dân các dân tộc xã nhà luôn chung tay khai phá đất đai để canh tác sản xuất; chung tay phòng ngừa, khắc phục thiên tai; chung tay đấu tranh chống giặc ngoại xâm; chung tay xây dựng quê hương đất nước... Những lần đồng tâm, hiệp lực đó chắc chắn sẽ là các dấu mốc quan trọng trong lịch sử của nhân dân Yên Thượng từ khi sinh cơ, lập nghiệp trên mảnh đất này đến nay.

Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm

Trong chiều dài lịch sử dân tộc, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Yên Thượng luôn nêu cao tinh thần độc lập dân tộc, sẵn sàng đấu tranh chống lại các cuộc xâm lược của những thế lực ngoại xâm.

Thời kỳ Pháp thuộc, dưới sự cai trị, kìm kẹp của thực dân, hơn 90% dân số Yên Thượng mù chữ, nhân dân sống trong cảnh hết sức khổ cực. Tuy nhiên, tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm chưa bao giờ tắt. Đặc biệt, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), tinh thần kháng chiến của nhân dân Yên Thượng lên cao hơn bao giờ hết. Tháng 12-1943, Hội Cứu quốc đầu tiên của xã được thành lập, phong trào chống Pháp của nhân dân Yên Thượng đã có tổ chức và phát triển mạnh mẽ. Mọi người từ già đến trẻ đều hăng hái tham gia. Một số người trong bộ máy chính quyền địch ở cơ sở được tuyên truyền, giác ngộ cách mạng đã tham gia ủng hộ Mặt trận Việt Minh, các tổ chức cứu quốc của phụ nữ, thanh niên được thành lập. Các đội tự vệ du kích và tự vệ chiến đấu được phát triển nhanh chóng.

Trong 9 năm kháng chiến (1945-1954), nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã vừa kháng chiến vừa kiến quốc, kết hợp đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tạo nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ, ủng hộ các cơ quan đơn vị và đảm bảo đời sống nhân dân. Hơn 50 hộ dân Yên Thượng đã ủng hộ cho cách mạng 2,7 tấn gạo; 3,2 tấn thực phẩm các loại; 5,2 tấn rau quả; ngoài ra còn ủng hộ một số súng kíp, súng hỏa mai và các loại khí giới khác. Hơn 100 lượt người tham gia dân công phục vụ kháng chiến; 18 người tình nguyện vào bộ đội chủ lực, tham

gia chiến đấu trên khắp các chiến trường, trong đó có 4 người đã anh dũng hy sinh.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Yên Thượng có 106 con em lên đường chiến đấu, trong đó có 5 người đã anh dũng hy sinh, 4 người là thương binh; một số đồng chí còn lại phục vụ tại ngũ, nhiều đồng chí khác trở về địa phương lao động sản xuất, kinh doanh... Dù trên mặt trận nào, các đồng chí cũng luôn phát huy phẩm chất bộ đội cụ Hồ, là tấm gương sáng cho con cháu noi theo.

Với những thành tích và đóng góp nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Yên Thượng, ngày 19-12-1999, Đảng và Nhà nước đã trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cho xã.

Truyền thống hiếu học

Mặc dù là xã không đông dân, công tác giáo dục còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng trong thời chiến cũng như thời bình, các thế hệ người dân Yên Thượng luôn rất coi trọng và ưu tiên công tác giáo dục. Trong thời chiến, vượt qua những hiểm nguy của bom đạn chiến tranh, những khó khăn của tình hình thời chiến, nhân dân trong xã đã đóng góp công sức, tiền của để xây dựng trường lớp cho con em đến trường. Chất lượng học tập và đạo đức học sinh rất tốt, nhiều thế hệ khi trưởng thành đã trở thành những người có ích cho xã

hội, một số trở thành cán bộ lãnh đạo các ban, ngành của huyện, tỉnh.

Hiện nay, công tác giáo dục ở xã rất được chú trọng. Những năm gần đây, chất lượng giáo dục đã được nâng lên đáng kể. Với sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị trong thực hiện “xã hội hóa” giáo dục, cơ sở vật chất trường, lớp đã từng bước được củng cố, trang thiết bị dạy và học không ngừng được tăng cường. Năm 2011, trường Tiểu học Yên Thượng đã đạt chuẩn quốc gia mức độ I. Xã luôn duy trì bền vững phổ cập tiểu học và trung học cơ sở, không có trẻ em bỏ học.

Tinh thần đoàn kết trong lao động sản xuất, kiên cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, coi trọng công tác giáo dục và công tác giáo dục chính trị tư tưởng của nhân dân Yên Thượng, khi hòa chung với dòng chảy văn hóa của dân tộc nó đã tạo nên bản sắc riêng của nhân dân các dân tộc nơi đây. Đó là những nét đẹp được lưu giữ và phát huy từ xưa đến nay trong các thôn làng của Yên Thượng.

Chương II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN YÊN THƯỢNG (TRONG XÃ YÊN THỊNH) THAM GIA GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1945) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. NHÂN DÂN YÊN THƯỢNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, TIẾN TỚI GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1930-1945)

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Sau khi nhà Nguyễn ký một loạt các Hiệp ước với thực dân Pháp, nước ta chịu sự thống trị của Pháp. Từ một quốc gia phong kiến độc lập, có chủ quyền, Việt Nam trở thành một bộ phận của xứ Đông Dương thuộc Pháp.

Tháng 3-1884, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm thành Thái Nguyên, sau đó chúng mở rộng chiến sự lần lượt đánh chiếm các châu miền núi của tỉnh Thái Nguyên. Kể từ đó, nhân dân các dân tộc châu Chơ Đồn phải chịu ách áp bức, bóc lột hết sức nặng nề và thâm độc của thực dân Pháp. Hệ thống cai trị châu Chơ

Đồn khi mới thành lập gồm 2 tổng: Đông Viên, Nhu Viễn, đến năm 1916 có thêm tổng Nghĩa Tá. Đứng đầu bộ máy cai trị ở châu là viên tri châu. Dưới quyền tri châu là chánh, phó tổng (cấp tổng), cấp xã có lý trưởng và phó lý. Từ năm 1931, ở cấp xã còn có Hội đồng kỳ mục.

Trực tiếp ở Chợ Đồn, sau khi đặt thành một đơn vị hành chính cấp châu, thực dân Pháp dựng lên một chính quyền tay sai người bản xứ. Đứng đầu là tri châu, làm nhiệm vụ như tri huyện ở miền xuôi. Ở các xã là một Hội đồng kỳ mục có khoảng 3-5 người, gồm lý trưởng, phó lý và thủ bạ. Thực dân ra sức mua chuộc số người đứng đầu các dòng họ lớn nắm giữ các chức vụ trong chính quyền tay sai. Ở Yên Thượng thời kỳ này có thủ bạ là ông Ma Ngọc Kim - thôn Nà Nhảm, phó thủ bạ là ông Ma Văn Kim - thôn Pác Cộp, ông Nông Văn Tường - thôn Pác Cộp làm xã đoàn (xã đội bây giờ).

Nhằm ngăn chặn và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp tăng cường tổ chức lực lượng vũ trang phản cách mạng. Chúng đặt đồn lính khố xanh, đồn binh, đồn Tổng Quận nhằm tăng cường đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân, sẵn sàng đàn áp các cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân.

Cùng với việc hoàn thiện bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thi hành nhiều chính sách áp bức bóc lột, đặc biệt là thuế thân - thuế áp dụng đối với nam giới

từ 18-60 tuổi. Sau nhiều lần điều chỉnh, mức thuế cũng tăng theo.

Ngoài ra còn nhiều thứ thuế vô lý khác, như: thuế điền, thuế rượu, thuế thóc ngựa... Đối với đồng bào người Dao, chủ yếu làm nương rẫy sinh sống thì chúng tính theo đầu người hoặc số lượng thóc giống để đóng thuế. Nhiều người quanh năm làm thuê vẫn không đủ tiền để nộp thuế.

Ngoài thuế khóa còn có các khoản phụ thu lạm bổ khác rất nặng nề, đây là một gánh nặng đã đẩy nhân dân ta nói chung, nhân dân Yên Thượng nói riêng rơi vào cảnh sống cơ cực. Nạn đói và thiếu ăn là hiện tượng phổ biến trong các gia đình.

Về mặt văn hóa, thực dân chủ trương không mở trường học để dân ta lạc hậu, ngu dốt, dễ bề cai trị. Nhưng về sau, do nhu cầu cần đào tạo lớp người làm tay sai cho chúng nên thực dân đã mở một vài trường lớp ở thị xã, thị trấn và hạn chế đến bậc sơ học (tương đương với cấp I). Các trường học chủ yếu dành cho con em gia đình khá giả, giàu có, quan lại và những người phục vụ trong bộ máy chính quyền thực dân. Con em những người nghèo đói vẫn chịu cảnh mù chữ. Thâm độc hơn, thực dân Pháp còn đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện.

Trình độ dân trí thấp là nguyên nhân tồn tại những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Khi ốm đau hay trong

nhà có chuyện, người dân thường tìm đến thầy cúng, tin vào bói toán, kê hèn. Nhân dân sống trong môi trường mất vệ sinh, dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Ốm đau, bệnh tật chỉ biết trông chờ vào may rủi. Các bệnh phổ biến thường xảy ra như sốt rét, ho lao, kiết lỵ và suy nhược vì thuốc phiện. Chị em phụ nữ ở xã chưa bao giờ được khám phụ khoa, sinh đẻ không có nhà hộ sinh, cực khổ trăm bề.

Bị nô dịch về văn hóa nên nhân dân trong các thôn làng của Yên Thượng phải sống trong cảnh vô cùng cực khổ. Chính sách vơ vét, bóc lột của thực dân Pháp và phong kiến đã làm cho xã hội Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc.

Với truyền thống yêu nước và ý chí căm thù giặc sâu sắc, nhân dân Yên Thượng đã cùng các xã lân cận sát cánh cùng cả nước đứng lên đấu tranh chống quân xâm lược. Khi chưa có người đưa đường chỉ lối, các phong trào đấu tranh của nhân dân bị thất bại. Nhưng sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và nhất là từ khi có cán bộ của Đảng về tuyên truyền, giác ngộ, nhân dân các dân tộc trong xã đã một lòng đi theo Đảng, tỏ rõ quyết tâm làm cách mạng đến cùng.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, chứng tỏ sự trưởng thành của giai cấp vô sản, đủ sức lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Làn sóng cách mạng ngày càng phát

triển, mở rộng, thông qua lần lượt các cao trào cách mạng những năm 1930-1931, 1936-1939 và đỉnh cao là giai đoạn 1939-1945.

Từ những năm 1936-1937 trở đi, các cơ sở cách mạng và cơ sở Đảng được xây dựng ở một số địa phương trong tỉnh Thái Nguyên và các châu phía Nam tỉnh. Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, cùng với sự ra đời của căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, trung đội Cứu quốc quân I và II lần lượt ra đời. Cuối năm 1941, phong trào hoạt động của Cứu quốc quân được mở rộng về phía các châu Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ. Đặc biệt, phong trào cách mạng ở khu căn cứ địa Cao Bằng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang dâng cao và phát triển dần về phía Nam.

Tất cả những sự kiện trên đã có ảnh hưởng đến nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn nói chung. Tuy nhiên, tình hình ở Chợ Đồn còn nhiều khó khăn. Do châu có mỏ kẽm quan trọng tập trung nhiều công nhân và vị trí địa lý lại nằm sâu trong vùng núi non, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Đây là những nguyên nhân làm cho ảnh hưởng của phong trào cách mạng ở các địa phương khác chưa thể trực tiếp đến với nhân dân các dân tộc trong châu.

Tháng 1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở Việt Nam.

Ngày 10-5-1941, tại tỉnh Cao Bằng, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập. Hội nghị xác định đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: “Đánh Pháp, đuổi Nhật, Đông Dương hoàn toàn độc lập” và quyết định thành lập Việt Nam Độc lập Đồng Minh hội, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

Từ năm 1942 trở đi, bên cạnh hình thức giao thông bí mật có từ trước, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị “xây dựng những con đường quân chúng”, tức là những cơ sở cách mạng mới, để nối liền các trung tâm cách mạng với nhau.

Đầu năm 1943, lực lượng Nam tiến với 19 đội khác nhau xuất phát từ tổng Kim Mã (Nguyên Bình, Cao Bằng) tiến xuống Bắc Kạn. Dọc theo các triền núi cao, qua các vùng cư trú của đồng bào Dao, cán bộ Nam tiến đã xây dựng thành công nhiều cơ sở cách mạng ở nhiều xã trong châu Chợ Đồn. Theo nhiều mối quan hệ, cơ sở cách mạng trong đồng bào Dao nhanh chóng phát triển thành một hệ thống liên hoàn trên hầu khắp các vùng núi rừng Cao - Bắc - Lạng. Đồng thời, lực lượng Nam tiến cũng xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong đồng bào Tày - Nùng ở vùng thấp. Khắp các địa phương đều có hội Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh.

Năm 1943, Hội Cứu quốc đầu tiên của xã Yên Thượng được thành lập, từ đây phong trào đấu tranh của xã đã phát triển rộng rãi tới từng người dân. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của các hội Cứu quốc,

đội tự vệ ở xã cũng ra đời¹, có nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng và giữ gìn trật tự trị an ở xã. Dù trang bị vũ khí thô sơ nhưng đó là đội quân cách mạng của nhân dân, được nhân dân hết lòng cứu mang che chở.

Để đáp ứng yêu cầu cách mạng ngày càng lan rộng, phong trào ngày càng lên cao, việc nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ địa phương được đặt ra. Yên Thượng đã cử cán bộ đi huấn luyện về công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức vận động quần chúng và các khoa mục quân sự cần thiết, như kỹ thuật ném lựu đạn, chiến thuật đánh du kích, các hình thức chống địch khủng bố... Sau một tuần khóa huấn luyện kết thúc, cán bộ trở về địa phương huấn luyện ngay cho các hội viên của xã, từ đó luyện tập quân sự trở thành một phong trào sôi nổi trong xã.

Tháng 12-1943, sự ra đời của một loạt Ban Chấp hành Việt Minh các xã đã đánh dấu bước phát triển mới, có tác dụng đẩy mạnh phong trào cách mạng ở châu Chợ Đồn nói chung, các xã trong châu nói riêng.

Từ cuối năm 1943 đến giữa năm 1944, địch thực hiện hàng loạt vụ khủng bố, vợ vệt, cướp bóc nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân các xã trong châu Chợ Đồn và làm lung lay ý chí đấu tranh của nhân dân ta như là vụ

1. Là những người hăng hái khỏe mạnh được tuyển chọn từ các hội cứu quốc vào.

“tổng tiền” đối với đồng bào Dao. Nhưng bất chấp sự khủng bố của địch, quần chúng giác ngộ hết lòng bảo vệ, che chở cán bộ. Khẩu hiệu “bốn không”¹ được thực hiện triệt để.

Đầu năm 1945, phong trào cách mạng của nhân dân ta dâng lên mạnh mẽ, chiến tranh thế giới lần thứ II tiến triển có lợi cho phe dân chủ. Tại châu Á - Thái Bình Dương, phạm vi chiếm đóng của phát xít Nhật ngày càng bị thu hẹp. Lợi dụng tình hình trên, Pháp ráo riết hoạt động giành lại Đông Dương, dẫn đến mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ngày càng lên cao, không thể điều hòa được. Đêm ngày 9-3-1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương.

Ngày 28-3-1945, hội nghị cán bộ, đảng viên hoạt động ở Chợ Đồn và Ủy ban Việt Minh châu quyết định phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong khi bộ đội giải phóng và tự vệ chiến đấu tiên công tiêu diệt các đồn, bắt địch thì nhân dân các dân tộc ở các xã cũng nổi dậy, cùng với các đơn vị tự vệ tịch thu bằng triện của chức dịch ở địa phương, xóa bỏ chính quyền địch và thành lập chính quyền cách mạng. Trong những ngày khởi nghĩa, nhân dân các dân tộc ở khắp các bản làng đều hân hoan chào đón bộ đội, tình nguyện

1. Không biết; không nghe; không thấy; không đầu hàng, đầu thú.

ủng hộ bộ đội về lương thực, thực phẩm... Nhiều thanh niên, nam nữ gia nhập đoàn quân cách mạng, tham gia giải phóng quê hương.

Ở Yên Thượng, vào hồi 9 giờ sáng ngày 29-3-1945, sau khi nhân dân nổi dậy giành chính quyền thắng lợi đã tổ chức mít tinh tại Luồng Hội (thôn Nà Huống). Tại cuộc mít tinh, ông Ma Đình Thanh được cấp trên cử làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời¹.

Đến ngày 30-3-1945, đại bộ phận châu Chợ Đồn được giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã lần lượt ra đời. Đầu tháng 4-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu Chợ Đồn chính thức được thành lập và ra mắt trước toàn dân.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, các tổ chức đoàn thể của Yên Thượng đi vào hoạt động hiệu quả hơn. Hội Phụ nữ xã do bà Ma Thị Vinh làm Bí thư, tổ chức Nông hội do ông Ma Văn Tương làm Bí thư².

Như vậy, với truyền thống yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc, nhân dân các dân tộc xã Yên Thượng

1. Theo lời kể, trong buổi mít tinh, 2 đồng chí Hồ, Hải - đại diện Việt Minh hỏi: bây giờ chính quyền cũ đã bị thu dấu rồi, ai có thể đứng lên giúp Việt Minh lãnh đạo chính quyền để đánh Tây? Ông Ma Đình Thanh xung phong nói: Tôi làm được! Sau đó ông được Việt Minh chấp nhận.

2. Tại thời điểm đó Chủ tịch Hội Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân gọi là Bí thư.

đã góp phần vào thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong khoảng thời gian ngắn, dù chưa có cơ sở Đảng trực tiếp lãnh đạo nhưng nhân dân các dân tộc trong xã đã vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, anh dũng đứng lên chiến đấu, một lòng tin vào cách mạng, nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân mình. Sự ra đời của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu đánh dấu một bước ngoặt lớn trong đời sống của nhân dân các dân tộc Chợ Đồn nói chung, nhân dân Yên Thượng nói riêng.

II. NHÂN DÂN YÊN THƯỢNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”*. Đây là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, quyền dân tộc gắn với quyền dân sinh, dân chủ được thừa nhận. Nhân dân lao động thực sự làm chủ quê hương, đất nước thông qua chính quyền Nhà nước dân chủ nhân dân.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Khắp các làng bản ở Yên Thượng, mọi gia đình đều vui mừng khi được sống trong độc lập, tự do.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, nhân dân trong xã đã đoàn kết, thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đó là xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền dân chủ nhân dân, tham gia chống giặc đói, giặc dốt và chuẩn bị những điều kiện cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Bên cạnh những thuận lợi, đất nước ta nói chung và nhân dân Yên Thượng nói riêng phải gánh chịu hậu quả nặng nề của chế độ cũ và đương đầu với muôn vàn khó khăn, thách thức về mọi mặt.

Về chính trị - quân sự: Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau chống phá chính quyền non trẻ của ta một cách quyết liệt. Phía Bắc, Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật đã đem 20 vạn quân tràn vào nước ta, chiếm đóng một số vị trí quan trọng ở các tỉnh lỵ. Đi đến đâu chúng đều tàn phá, cướp bóc của cải trong nhân dân, bắt dân ta phải tiêu tiền “quan kim”, “quốc tệ” đã mất giá của chúng. Chúng còn bắt dân ta phải cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm và phương tiện đi lại. Ở Chợ Đồn, một số phần tử phản động người Hoa

nổi dậy, dưới danh nghĩa “lực lượng vũ trang Bản Thi”, gây ra những vụ giết người, cướp của đối với nhân dân dân ta.

Ở miền Nam, tình hình còn nghiêm trọng hơn. Ngoài việc lấy danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào, quân đội Anh còn đồng lõa và giúp cho thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Ngoài lực lượng quân Tưởng, Anh, Pháp, Nhật, ở trong nước, bọn phản động Việt quốc, Việt cách cũng đang chờ thời cơ để lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ. Bọn thô phi ngày đêm hoành hành cướp phá ở khu vực miền núi và trung du khiến cho đời sống của nhân dân vô cùng đói khổ.

Về kinh tế: Hậu quả của chính sách bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến để lại làm cho đời sống kinh tế ở Yên Thượng sau Cách mạng tháng Tám gặp nhiều khó khăn, nhân dân ta phải đối mặt với nạn đói đang hoành hành. Do chính sách bóc lột nặng nề của thực dân Pháp và phát xít Nhật cộng với việc bị mất mùa nên nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đã khiến cho nhiều người, nhiều gia đình lâm vào cảnh đói kém.

Về văn hóa - xã hội: Tàn tích của chế độ thực dân phong kiến để lại khiến hơn 90% dân số trong xã bị mù chữ. Các tệ nạn xã hội, các hủ tục của chế độ cũ như cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan... ảnh hưởng nặng nề

trong đời sống nhân dân, làm hạn chế đến việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Thù trong, giặc ngoài, khó khăn chồng chất đặt chính quyền cách mạng non trẻ trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Tình hình đó đòi hỏi Đảng, Chính phủ phải có sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt, đưa ra những quyết sách phù hợp. Nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân lúc này là phải đấu tranh chống giặc, nhanh chóng củng cố chính quyền, ổn định đời sống nhân dân.

Tháng 6-1945, bộ máy chính quyền huyện được củng cố và kiện toàn một bước. Tại nhà ông Ma Văn Chu, thôn Nà Nhàm khoảng 100 đại biểu được các xã cử đến tham dự hội nghị do huyện tổ chức. Hội nghị bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Chợ Đồn, gồm 7 người, do ông Nguyễn Đức Thanh làm Chủ tịch. Sau đó, chính quyền các xã cũng được bầu cử công khai, dân chủ. Thời gian này, Yên Thượng cùng các xã trong huyện đã có nhà Hội đồng cứu quốc làm trụ sở của Ủy ban nhân dân cách mạng, nơi sinh hoạt, hội họp của các đoàn thể quần chúng tại Luồng Hội - Nà Huống (thời điểm này xã Yên Thượng vẫn thuộc xã Yên Thịnh). Thông qua những hoạt động cụ thể, uy tín của chính quyền, của Mặt trận Việt Minh ngày càng được nâng cao, trên cơ sở đó chính quyền xã có thêm điều kiện để củng cố, kiện toàn.

Ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời và nêu lên 6 việc cấp bách cần làm ngay, đó là: Tăng gia sản xuất, xóa nạn mù chữ, tổ chức tổng tuyển cử, xóa bỏ các loại thuế dã man và các tệ nạn xã hội, đồng thời cũng tuyên bố tự do tín ngưỡng và đoàn kết tôn giáo.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, nhân dân Yên Thượng hăng hái thực hiện những nhiệm vụ trước mắt, góp phần vào việc bảo vệ và củng cố chính quyền cũng như chuẩn bị cho thời kỳ kháng chiến chống Pháp gian khổ. Ở khắp các thôn làng của Yên Thượng, mọi tầng lớp nhân dân rất vui mừng, phấn khởi tin tưởng vào đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, của cách mạng.

Là huyện miền núi, Chợ Đồn có thể mạnh của nền kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp, vì thế nạn đói trong và sau Cách mạng Tháng Tám ở Chợ Đồn không đến mức trầm trọng. Mặc dù vậy, hậu quả của chính sách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật làm cho đời sống đại bộ phận nhân dân rất khó khăn.

Cùng với cả nước, nhân dân Yên Thượng đã tích cực hưởng ứng lời kêu gọi “diệt giặc đói” của Chính phủ. Chính quyền cách mạng khẩn trương thực hiện công tác cứu đói bằng việc phát động nhân dân trong

xã tham gia quyên góp lương thực, tiền và vay lúa gạo nhà khá giả phát cho nhà nghèo, xây dựng “Hũ gạo tiết kiệm” để giúp đỡ người nghèo đói. Nhân dân trong xã đã tích cực tham gia các phong trào “Sẻ cơm, nhường áo”, “Năm cơm cứu đói”, “Lá lành đùm lá rách”. Noi gương Hồ Chủ tịch, cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng ba bữa, đem số gạo đó cứu dân nghèo. Ngoài việc khắc phục hậu quả nạn đói, Yên Thượng đã huy động lực lượng xung kích, phần lớn là dân quân tự vệ, thanh niên, phụ nữ tích cực sản xuất, góp phần ổn định đời sống.

Song song với nhiệm vụ “diệt giặc đói”, phong trào “diệt giặc dốt” theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch được chính quyền xã phát động rộng rãi. Các lớp Bình dân học vụ được phát triển trong các thôn, bản. Ngoài việc học trên lớp, chính quyền còn chỉ đạo kẻ chữ to trên tường nơi công cộng để mọi người qua lại có thể tự học, tự đọc. Các làng còn dựng cổng “xóa mù chữ”. Từ cụ già, phụ nữ, thanh niên đến các em nhỏ đều hăng hái thi đua tập đọc, tập viết. Ở Yên Thượng, ông Ma Phúc Bành được cử làm Trưởng ban Bình dân học vụ, mỗi thôn có một thành viên phụ trách công tác này.

Những khó khăn về giáo viên dạy học, địa điểm mở lớp, đồ dùng học tập như: giấy, bút, mực... đã được chính quyền và các đoàn thể tìm cách giải quyết nhằm tạo điều kiện cho nhân dân tới lớp học. Nhờ áp

dụng những biện pháp tích cực trong một thời gian ngắn, đa phần nhân dân đều biết chữ, làm được các phép tính đơn giản. Một số trường cấp I cũ không hoàn chỉnh, được phục hồi, củng cố và xây dựng thêm nhiều trường mới như ở Yên Thịnh (trong đó có Yên Thượng), Phương Viên...

Ngoài công tác thanh toán nạn mù chữ, các cuộc vận động cải cách xã hội, thực hiện đời sống mới trong nhân dân cũng đạt nhiều kết quả. Các phong trào thực hiện nếp sống văn hóa, bài trừ tệ nạn mê tín dị đoan cùng các hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin, đình đám, hội hè... được nhân dân các thôn bản đồng tình ủng hộ. Sự mạnh mẽ và phát triển của đời sống văn hóa mới đã góp phần quan trọng trong việc giáo dục, cổ vũ tinh thần cách mạng của quần chúng, tập hợp và xây dựng lực lượng chính trị trong cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng non trẻ.

Để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và đập tan luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết định tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xây dựng Hiến pháp. Với tinh thần đó, ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử được tổ chức trên khắp mọi miền đất nước. Hòa chung khí thế của nhân dân cả nước, lần đầu tiên nhân dân Yên Thượng được cầm lá phiếu trên tay, đi bỏ phiếu để bầu ra những

đại biểu xứng đáng nhất. Thắng lợi của cuộc bầu cử đã khẳng định ý chí và quyết tâm của nhân dân Yên Thượng, quyết tâm xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ mới để xóa bỏ tận gốc chế độ bóc lột.

Thành quả cách mạng trong hơn một năm là rất lớn lao. Chế độ dân chủ nhân dân được bảo vệ và củng cố, phong trào cách mạng được đẩy mạnh. Có thể nói, những thắng lợi bước đầu trong nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt, củng cố nền tài chính và xây dựng nền móng chính quyền vững chắc không những giúp nhân dân trong xã vượt qua khó khăn ban đầu, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến lâu dài mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị - xã hội. Các phong trào đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia vào những nhiệm vụ quan trọng của đất nước cũng như động viên, giáo dục tinh thần yêu nước trong toàn thể nhân dân. Tuy công việc mới mẻ, khó khăn còn chồng chất, cán bộ chưa có nhiều kinh nghiệm nhưng luôn tận tụy phục vụ cách mạng, nhiệt tình điều hành, quản lý, vận động quần chúng nhân dân xây dựng xã hội mới có hiệu quả. Thắng lợi của các phong trào đã tạo niềm phấn chấn, tin yêu của nhân dân với chế độ mới, nâng cao uy tín của Đảng và chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, chống lại âm mưu chia rẽ, phá hoại của kẻ thù.

Cùng năm 1946, thực dân Pháp đã bội ước Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) sang xâm chiếm nước ta một lần

nữa, chúng dùng nhiều thủ đoạn gây hấn với nhân dân ta. Từ cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp tăng cường khiêu khích và gây xung đột với quân và dân ta ở nhiều nơi như: Hải Phòng, Lạng Sơn và Thủ đô Hà Nội. Trung ương Đảng và Chính phủ tìm mọi cách để kéo dài sự hòa hoãn nhằm tạo thêm thời gian cho nhiệm vụ chuẩn bị kháng chiến. Nhưng với âm mưu quyết tâm xâm lược đất nước ta, thực dân Pháp ngày càng lấn tới, chúng gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí và giải tán lực lượng vũ trang của ta.

Ngày 1-12-1946, Chi bộ Đảng huyện Chợ Đồn ra đời, có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng của huyện. Từ đây, Chi bộ Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ cuối năm 1946, hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Yên Thượng chính thức bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp.

Như vậy, kể từ khi Cách mạng tháng Tám thành công cho đến khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, bên cạnh bộ máy chính quyền được kiện toàn, đời sống nhân dân trong xã đã từng bước được cải thiện. Sự gắn bó giữa nhân dân với chính quyền cách mạng ngày càng

bền chặt. Đây chính là yếu tố quan trọng cho cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ của dân tộc ta nói chung, nhân dân các dân tộc trong huyện Chợ Đồn và xã Yên Thượng nói riêng.

Trong những năm toàn quốc kháng chiến, đặc biệt từ cuối năm 1946 và những năm tiếp theo, Chợ Đồn có vinh dự tiếp nhận nhiều cơ quan, xưởng máy, kho tàng của Trung ương.

Xã Yên Thịnh (trong đó có Yên Thượng) đã được Trung ương chọn làm nơi căn cứ kháng chiến nằm trong khu vực an toàn khu (ATK). Đây là nơi tiếp nhận sớm nhất các cơ quan, công xưởng, kho tàng của Trung ương. Nhiều cơ quan, đơn vị Trung ương đã lần lượt được chuyển về đóng tại đây, bao gồm: Cơ quan ấn loát tài chính đóng tại Khau Dầu, từ năm 1947-1948; cơ quan Vô tuyến điện đóng tại Khuổi Cung, Bản Loàn từ năm 1947-1949; xưởng Quân y bào chế dược liệu và quân nhu Cục đóng tại thôn Pác Cuồng từ năm 1947-1948; Cục Quân y (Bộ Quốc phòng) lúc đầu đóng ở Khuôn Trục (Yên Thượng), khi bị quân Pháp càn quét (tháng 10-1947) chuyển vào Lung Phen (Yên Thượng), cơ quan Báo Cứu quốc đóng ở Che Ngù - Nà Mòn (Yên Thượng), xưởng Quân giới Quốc phòng Z1, Z2, Z3 đóng tại Đán Lạ năm 1947; nhà in báo Độc Lập đóng tại Che Ngù - Nà Mòn từ năm 1946-1948; kho muối đóng tại Khuôn Lịa từ năm 1947-1948; kho thóc

kháng chiến đóng tại Bản Cậu năm 1947; chi nhánh Cục Vận tải đóng tại Bản Cậu, hàng chục tấn hàng hóa, vật liệu máy móc được vận chuyển lên Khuôn Trục (Nà Cà, Yên Thượng).

Để bảo vệ các cơ quan, đơn vị được tốt nhất, lực lượng thanh niên xã gồm 6 người, (trong đó có 2 nữ) được bổ sung vào lực lượng bảo vệ. Nhiệm vụ của toàn dân và đội du kích lúc này là vừa bảo vệ an toàn, đảm bảo bí mật cho các cơ quan, đơn vị ở đây, vừa tích cực sản xuất để phục vụ kháng chiến. Với lòng tin yêu Đảng đi theo cách mạng, nhân dân trong xã đã che chở, bảo vệ, đóng góp nhiều công sức, vật liệu để dựng lán trại cho các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, tháng 5-1946, tỉnh Bắc Kạn đã thành lập Ủy ban bảo vệ các cấp. Ở Chợ Đồn, Chủ tịch Ủy ban hành chính kiêm phụ trách Ủy ban bảo vệ. Theo chủ trương của Trung ương, về sau Ủy ban bảo vệ được đổi thành Ủy ban kháng chiến, gồm đại biểu trong các tổ chức: Ủy ban hành chính, Hội đồng nhân dân và đại biểu quân sự. Tháng 10-1947, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính, đến tháng 4-1948 gọi là Ủy ban kháng chiến hành chính.

Cùng với việc tham gia xây dựng An toàn khu, công tác xây dựng Đảng tiếp tục được cấp trên quan

tâm, chú trọng. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện ra sức thực hiện cuộc vận động “Thi đua phát triển Đảng” từ tháng 4 đến tháng 6 và đợt phát triển Đảng “lớp tháng Tám”. Trên cơ sở phát triển được thêm nhiều đảng viên mới, Chi bộ Ngọc Bằng - chi bộ liên xã, gồm Bằng Lăng, Ngọc Phái, Bằng Lũng, Yên Thượng được thành lập.

Chiến dịch thu đông năm 1947 thực dân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn. Để bảo vệ an toàn cho vùng căn cứ kháng chiến, chính quyền cách mạng ở xã đã huy động lực lượng dân quân du kích vót chông cắm tại Khuổi Nà (khu vực đơn vị 380 ngày nay) chống địch nhảy dù. Các tuyến đường sắt, đường bộ thông sang Tuyên Quang được chặt cây, lăn đá ngăn chặn. Các nhà xưởng, kho tàng của chúng ở Bản Thi bị phá hủy, toàn dân đi vào nơi sơ tán, thực hiện “vườn không nhà trống”.

Tháng 10-1947, quân Pháp tiến vào Bản Đồn - Yên Thịnh theo hai hướng gọng kìm: một hướng từ Bắc Kạn vào, một hướng từ Tuyên Quang sang với ý định đập tan chính quyền cách mạng và phá hoại những khu căn cứ của ta. Nắm bắt được tình hình và âm mưu của chúng, dân quân du kích đã phục kích hướng từ Tuyên Quang sang. Về phía địch, do gặp phải đường giao thông bị ta làm cản trở, du kích ta phục sẵn và đánh giáp mặt với chúng, bị bất ngờ quân địch hoang mang, tháo chạy. Một hướng khác, chúng nhảy dù xuống Bắc Kạn, Chợ

Đồn tiến về Yên Thịnh - Bản Thi để hợp quân với cánh quân do Commuynan chỉ huy, đến Kéo Phay bị quân ta phục kích khiến chúng chạy tán loạn nhưng vẫn tiến vào Yên Thịnh.

Trên đường về Yên Thịnh, Bản Thi, địch ra sức lùng sục các làng bản gần đường để cướp bóc, đốt phá nhà cửa... Khi tới vùng Bó Khéo, Phai Kẹm - một vị trí hết sức hiểm yếu, đường hẹp, gập ghềnh men theo con suối sâu, hai bên núi đá dựng đứng, địch rơi vào ổ phục kích của du kích xã Yên Thịnh (trước đây) do ông Ma Văn Chức¹ (thôn Che Ngù) chỉ huy. Ông Ma Văn Khóa (Bản Bầy) dẫn đường, phối hợp với phân đội của Tiểu đoàn 55 làm một số tên bị thương. Đến bản Nà Huống, Nà Cà (xã Yên Thượng), địch phát hiện dấu hiệu có lực lượng của ta (có vết giày, dép... vì bản là cơ sở của Cục Quân y) nên chúng cần quét dữ dội, lục soát từng nhà để vơ vét của cải và hy vọng phát hiện mục tiêu. Không đạt kết quả, địch đốt trụi cả bản, sau đó chúng tiếp tục lùng sục vào các khe núi, theo các lối mòn địch tiến vào Khuôn Trục.

Trước khi quân Pháp mở cuộc tiến công vào Khuôn Trục, được lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương giúp đỡ, cơ quan Cục Quân y cùng với nhân dân đã kịp thời chuyển sang Lung Phen - một khe sâu, núi đá hiểm

1. Chợ Đồn, lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), tr71.

trở nằm ở phía Đông Bắc bản Nà Huông (nay thuộc xã Yên Thượng). Do di tản gấp nên không chuyển hết được cơ sở sản xuất, còn bỏ lại một số thiết bị máy móc, dược liệu, thuốc men. Quân địch sau khi lục soát đã đốt phá, triệt hạ toàn bộ cơ sở Khuôn Trục, gây cho ta nhiều thiệt hại.

Việc phát hiện có cơ sở kháng chiến của ta ở đây càng làm cho quân địch khẩn trương tiến về chiếm lấy đồn Yên Thịnh. Đồn nằm trên quả đồi cao, được Pháp xây dựng khá kiên cố từ thời Pháp thuộc, trong tiêu thổ kháng chiến ta phá không triệt để nên quân Pháp vẫn lợi dụng được. Chiếm đóng ở đây, quân Pháp tiếp tục càn quét ra các vùng xung quanh. Hầu hết các làng bản ở xã Yên Thịnh ngày nay bị quân Pháp đốt thành tro than, riêng bộ phận của Cục Quân y ở Leo Hẩu nhanh chóng di chuyển cơ quan vào sâu trong rừng nên an toàn.

Từ đồn Yên Thịnh, quân Pháp cho một bộ phận nhỏ tiến vào Bản Thi để liên lạc với cánh quân do Commuynan chỉ huy, nhưng hoàn toàn thất vọng, chúng đành phải rút về đóng chốt ở đồn Yên Thịnh. Trước khi quân Pháp đánh chiếm Yên Thịnh, các công xưởng kháng chiến của ta ở Bản Thi cũng đã kịp thời vận chuyển máy móc, vật liệu đến các vị trí an toàn, dựa vào sự che chở, giúp đỡ cả về hậu cần của đồng bào để đối phó lại cuộc tấn công của địch.

Đêm 18-10-1947, được sự giúp đỡ của nhân dân, sự phối hợp của quân du kích xã Yên Thịnh, Trường Võ bị tổ chức một đội “Quyết tử” gồm 8 chiến sĩ do Nguyễn Bội Dong làm Tiểu đội trưởng, bí mật tập kích đồn Yên Thịnh, diệt một số địch, phá một đại liên.

Chiếm đóng sâu trong vùng căn cứ kháng chiến của ta, quân Pháp rơi vào tình thế bị cô lập, có nguy cơ bị tổn thất nặng nề hơn. Sau lần bị quân ta đánh (đêm 18-10), quân địch cố thủ thêm ít ngày, đến ngày 28-10-1947, địch đã bỏ vũ khí và rút khỏi Yên Thịnh. Bộ đội và du kích xã vào thu hồi vũ khí, phá hết đồn bót của địch. Sau những trận đánh thắng địch của bộ đội và du kích ta, nhân dân trong xã thực sự phấn khởi, từ đó càng quyết tâm đoàn kết bên nhau, che chở và đảm bảo bí mật cho các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn và rút ra những bài học trong chiến thuật đánh địch.

Chợ Đồn đã sạch bóng quân thù, song âm mưu phá hoại ATK, căn cứ địa kháng chiến của kẻ địch còn nhiều nham hiểm. Trong khi đó, Bản Thi vẫn là địa bàn hiểm yếu của huyện. Trong khi quân và dân ta tập trung vào nhiệm vụ chống thực dân Pháp xâm lược, bọn phản động ngóc đầu dậy tìm cách liên lạc với bọn thổ phỉ, phản động ở Chợ Rã và một số nơi khác trong khu vực. Chúng tổ chức ra cái gọi là “Trung Hoa hội quán”, ra sức tuyên truyền nói xấu chính quyền, xuyên tạc đường lối kháng chiến, gây chia rẽ dân tộc, uy hiếp nhân dân.

Được sự giúp đỡ của đội vũ trang công tác Liên khu I, quân và dân Chợ Đồn đã đập tan tổ chức của chúng, thành lập lực lượng vũ trang mới, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp. Nhờ những cố gắng trên mà tình hình trị an xã hội ở các xã nói riêng, huyện nói chung được ổn định, hậu phương được giữ vững.

Vào những năm kháng chiến, lực lượng du kích xã ngoài nhiệm vụ thường xuyên chiến đấu, tăng gia sản xuất, còn phải làm nhiệm vụ vận chuyển tài chính về cơ quan Trung ương. Có những lần vận chuyển bị địch càn quét, bắn chết ngựa thồ, làm những tải tiền bạc ra, nhưng lực lượng du kích ta đã đánh trả quyết liệt, đảm bảo tuyệt đối về người và tiền của, không cho lọt vào tay địch.

Sau khi thực dân Pháp rút khỏi xã, cấp trên đã đánh giá đây là khu vực an toàn, do đó hai lần Đại hội Đảng bộ tỉnh (lần 1: tháng 6-1948; lần 2: 6-1949) đã diễn ra tại đây được lực lượng tự vệ xã bảo vệ an toàn tuyệt đối.

Ngày 5-6-1948, tại Che Ngù, Yên Thượng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1948-1949) đã diễn ra thành công tốt đẹp. Sau Đại hội, để tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng có chất lượng, cuối năm 1948, Đảng bộ huyện đã xúc tiến một bước công tác củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng.

Tháng 8-1949, quân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, lúc này công tác đảm bảo giao thông vận tải trở thành một yêu cầu quan trọng đối với toàn tỉnh nói chung và huyện Chợ Đồn nói riêng. Trong tình hình mới, với vị trí là căn cứ địa kháng chiến, vấn đề khôi phục và phát triển mạng lưới giao thông trở thành một yêu cầu cấp bách không chỉ đối với các địa phương mà còn với cả nước nói chung. Do đó, ngay sau khi Bắc Kạn được giải phóng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông, đặc biệt là đường số 3.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương, “chiến dịch cầu đường lần thứ nhất” được phát động trong toàn tỉnh. Nhân dân các dân tộc trong xã đã vượt qua mọi khó khăn trong sản xuất, hăng hái xung phong đi dân công sửa chữa cầu, đường. Kết quả, nhân dân đã đóng góp nhiều công sức vào những thành quả chung của nhân dân toàn tỉnh.

Song song với những cố gắng vượt bậc trong sửa chữa giao thông, để khắc phục hậu quả do các trận mưa lũ lớn gây ra nghiêm trọng, nên dù nhân dân trong xã đang trong vụ gặt bận rộn, nhiều nơi bị lũ lụt tàn phá nặng nề, song dưới sự lãnh đạo sát sao của Chi bộ, nhân dân đã tích cực lên đường đi dân công. Do đó, chỉ trong vòng hơn nửa tháng, những chiếc cầu bị lũ cuốn trôi

được bắc lại, hàng chục nghìn khối đất, đá do núi đồi sụt lở được dọn sạch khỏi mặt đường, đảm bảo cho xe đi lại dễ dàng.

Sang năm 1951, “chiến dịch cầu đường lần thứ hai” được Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn phát động. Cũng giống như lần trước, trong lần hai này, đã có nhiều thanh niên nam, nữ ở Yên Thượng nói riêng cùng với nhân dân toàn tỉnh nói chung tình nguyện gia nhập các liên đội thanh niên xung phong làm cầu, đường.

Cùng năm 1951, các cơ quan Trung ương ở huyện Chợ Đồn rút về huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Nhận được lệnh của cấp trên, dân quân trong xã đã đến đúng thời gian và di chuyển các cơ quan ở Lương Bằng đến nơi quy định an toàn tuyệt đối. Hưởng ứng Lời kêu gọi kháng chiến của Hồ Chủ tịch, lực lượng thanh niên trong xã đã hăng hái, tình nguyện đi bộ đội, thanh niên xung phong, trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở các chiến trường.

Quán triệt chủ trương xây dựng kinh tế kháng chiến tự cấp tự túc của cấp trên, nhân dân trong xã đã vượt qua nhiều khó khăn, tập trung mở rộng diện tích canh tác. Nhân dân đã trồng thêm các loại hoa màu và các loại cây công nghiệp, chủ yếu là bông. Phong trào “vườn bông ái quốc”, “vườn sản kháng chiến” được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Nhiều gia đình đã tham gia trồng được hàng trăm, hàng nghìn gốc sản.

Cùng với việc đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất nhằm cải thiện đời sống và cung cấp lương thực, thực phẩm cho kháng chiến, công tác văn hóa, giáo dục, y tế dần được nâng cao.

Trong ngành giáo dục, khẩu hiệu “đi học là yêu nước” trở thành nhận thức sâu sắc của mọi người dân. Đêm đêm, mọi người hăng hái đốt đuốc đến lớp học, phong trào dạy học cho nhau được phát động và thực hiện tốt.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được phát động sôi nổi. Hát múa trở thành sinh hoạt văn nghệ trong đời sống hàng ngày của nhân dân. Được đông đảo nhân dân hưởng ứng, nhất là tầng lớp thanh niên. Các bài thơ, ca cách mạng được dịch ra tiếng dân tộc và nhanh chóng phổ biến rộng rãi. Ngoài việc tham gia thưởng thức các đêm liên hoan văn nghệ, nhân dân còn được giới thiệu thành quả xây dựng kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng như thắng lợi trên tất cả các mặt trận của cuộc kháng chiến. Ban Thông tin tuyên truyền huyện thực hiện tốt nhiệm vụ này, đem lại hiểu biết cho nhân dân trong xã.

Những hoạt động tích cực trên đã góp phần động viên mạnh mẽ tinh thần tham gia kháng chiến của nhân dân các dân tộc trong xã, đồng thời tạo dựng cuộc sống vui tươi, lành mạnh ở địa phương. Những tệ nạn xã hội của chế độ cũ, phong tục tập quán lạc hậu từng bước bị

xóa bỏ. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân được nâng cao rõ rệt.

Công tác xây dựng và phát triển y tế, chăm lo, bảo vệ sức khỏe của nhân dân được Chi bộ, chính quyền xã quan tâm đặc biệt. Phong trào vệ sinh yêu nước, thực hiện “sạch làng tốt ruộng”, “ăn chín uống sôi”, “làm chuồng trâu xa nhà ở” được nhân dân thực hiện tốt. Chiến dịch diệt ruồi muỗi cũng được triển khai thực hiện tốt. Ý thức phòng và trị bệnh trong nhân dân đã được nâng cao. Mỗi khi ốm đau, bệnh tật hoặc phụ nữ đến kỳ sinh nở, nhân dân đã biết tìm đến trạm xá chữa trị. Nhờ có những cố gắng và kết quả đạt được nên. Sức khỏe của cán bộ và nhân dân được đảm bảo và tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh các hoạt động kháng chiến ở địa phương.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, sát cánh và góp phần cùng nhân dân Yên Thịnh và Bản Thi (ngày nay) làm nên chiến thắng lịch sử, nhân dân Yên Thượng với hơn 50 hộ gia đình đã ủng hộ cho cách mạng 2,7 tấn gạo; 5,2 tấn rau quả; 3,2 tấn thực phẩm các loại. Ngoài ra, còn ủng hộ một số súng kíp, súng hỏa mai và các loại khí giới khác. Hơn 100 người tham gia dân công hỏa tuyến phục vụ kháng chiến, 18 đồng chí tình nguyện vào bộ đội chủ lực, tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường, trong đó có 4 người con của xã đã anh dũng hy sinh.

Năm 1954, hòa bình lập lại, theo tiếng gọi của Đảng, quân dân Yên Thượng lại hăng hái bắt tay vào lao động sản xuất, phát triển văn hóa xã hội, góp phần cùng cả nước đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Những thành tích trên là nguồn động lực to lớn để động viên toàn thể cán bộ và nhân dân Yên Thượng bắt tay vào nhiệm vụ cách mạng mới: công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

Chương III

CHI BỘ ĐẢNG YÊN THƯỢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, CHỐNG HAI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

I. CHI BỘ ĐẢNG XÃ YÊN THƯỢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA(1954-1960) VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)

Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, chấm dứt gần 80 năm thực dân Pháp đô hộ nước ta. Đây là *“lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới”*¹.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, 1996, tr12.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mĩ đã bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng miền Bắc theo con đường xã hội chủ nghĩa và tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ và thống nhất đất nước.

Hòa bình lập lại, nhân dân Yên Thượng hết sức vui mừng, phấn khởi, tự hào trước những thành quả đấu tranh của quê hương, dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh niềm vui chiến thắng là bọn bề khó khăn mà nhân dân miền Bắc nói chung và nhân dân Yên Thượng nói riêng phải đối mặt. Vượt qua khó khăn, tinh thần phấn khởi của nhân dân đã tạo động lực cho họ tham gia vào việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy tinh thần chiến đấu kiên cường, không ngại khó khăn, gian khổ của thời kỳ kháng chiến để tiếp tục xây dựng quê hương. Bên cạnh đó, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Chợ Đồn, nhân dân Yên Thượng đã hăng hái bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ cách mạng mới do Trung ương đề ra.

Tháng 9-1954, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết xác định nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn mới là: "... trong một thời

gian nhất định, nhiệm vụ chung của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc...”

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Chi bộ và chính quyền xã đã tổ chức cho đảng viên và nhân dân học tập lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết của Bộ Chính trị, các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về thi hành Hiệp định Giơnevơ. Đồng thời, Chi bộ Đảng vạch ra nhiệm vụ cụ thể với những nội dung: toàn thể nhân dân phải mau chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống. Cuộc sống mới đã dần hồi sinh trên mảnh đất trước đây bị tàn phá bởi những cuộc càn quét của địch. Khó khăn còn chồng chất, công việc còn bộn bề nhưng cái đói đang dần được đẩy lùi, những dấu tích của chiến tranh phai nhạt dần.

Cùng với những kết quả trong công cuộc khôi phục kinh tế, các mặt công tác văn hóa, giáo dục, y tế cũng có nhiều chuyển biến tích cực.

Ngay sau khi hòa bình lập lại, nhiệm vụ xóa mù chữ và từng bước nâng cao dân trí cho nhân dân, nhất là lực lượng thanh niên được chính quyền xã quan tâm,

tập trung chỉ đạo. Bên cạnh các lớp chính quy, các lớp bình dân học vụ được mở rộng khắp các thôn xóm, ý thức xóa nạn mù chữ được thấu suốt trong toàn dân.

Để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xã đã cử người đi học các lớp đào tạo cán bộ y tế về chữa bệnh cho nhân dân. Các thôn xóm được Đoàn Thanh niên, Đội thiếu niên tổng vệ sinh sạch sẽ để ngăn ngừa dịch bệnh và tạo cảnh quan đẹp mắt. Bên cạnh đó, Chi bộ Đảng chỉ đạo chính quyền cùng các tổ chức thanh niên, phụ nữ tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân để bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu. Phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển trong từng thôn bản, những ngày lễ hội truyền thống được tổ chức đông vui, nhân dân vui tươi phấn khởi cùng nhau xây dựng quê hương.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong xã được giữ vững. Đội ngũ cán bộ từ xã đến thôn ngày một trưởng thành, có thêm kinh nghiệm về tổ chức. Việc giáo dục nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, chống lại những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng được khẩn trương thực hiện. Lực lượng bán vũ trang và công an xã đã góp phần quan trọng ổn định trị an thôn làng, đóng vai trò là mũi xung kích trong các lĩnh vực công tác ở địa phương.

Tuy những thành tựu này mới ở mức bước đầu nhưng đây cũng là bước chuyển biến quan trọng, là tiền

đề cho công cuộc cải tạo, phát triển kinh tế - xã hội của quê hương Yên Thượng sau này.

Cải cách ruộng đất là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Từ sau Cách mạng tháng Tám, nhiệm vụ dân chủ đã được giải quyết từng phần. Đảng đã thực hiện giảm tô, giảm tức, tạm giao ruộng công, ruộng vắng chủ cho nông dân, góp phần thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến giành thắng lợi. Sau ngày hòa bình lập lại, chỗ dựa của địa chủ là thực dân Pháp không còn, uy thế chính trị, kinh tế của giai cấp địa chủ bị sụp đổ. Từ đây, vấn đề giải quyết quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân tất yếu được đặt ra nhằm thúc đẩy công cuộc khôi phục kinh tế đi đến thắng lợi.

Ở huyện Chợ Đồn, chủ trương chỉ thực hiện giảm tô ở hai xã¹ có số ruộng đất phát canh tương đối lớn và là nơi mà áp bức giai cấp nặng nề nhất. Đông đảo nông dân, bần cố nông từ chỗ còn e ngại đã mạnh dạn đấu tranh đòi triệt để giảm tô, giảm tức, vạch trần những thủ đoạn ức hiếp, bóc lột tinh vi của những phần tử trong giai cấp địa chủ. Thắng lợi của cuộc vận động “phóng tay phát động quần chúng” ở hai xã đã đưa tới sự thiết lập trật tự xã hội mới ở nông thôn, xóa bỏ bóc lột của

1. Đông Viên và Phương Viên.

giai cấp địa chủ phong kiến, đem lại quyền lợi thiết thực cho bản, cổ nông.

Trong cuộc đấu tranh này, Nông hội đã tỏ rõ vai trò của mình trong việc thực hiện mục tiêu của cuộc cách mạng ở địa phương. Cuộc phát động có ảnh hưởng đến phong trào chung trong toàn huyện, các chi thị, nghị quyết và các chủ trương, chính sách lớn được thực hiện nghiêm chỉnh. Tuy nhiên, nằm trong bối cảnh chung của miền Bắc trong giảm tô, cải cách ruộng đất ở Chợ Đồn cũng mắc phải những sai lầm nhất định.

Thực hiện chủ trương sửa sai của Đảng và Chính phủ, kết quả, một số người bị quy kết sai về tư tưởng, chính trị đã được minh oan, đoàn kết trong nội bộ Đảng và nhân dân được tăng cường.

Từ năm 1955-1956, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, nhân dân các dân tộc trong xã đã được học tập chủ trương, chính sách của Đảng, Cương lĩnh đại đoàn kết của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bảo đảm quyền lợi cho chính mình. Các tư tưởng hẹp hòi, tự ti dân tộc, nhất là âm mưu chia rẽ các dân tộc của các phần tử xấu, thực hiện sự bình đẳng cùng tiến bộ giữa các dân tộc, triệt để thanh toán những tàn tích tư tưởng thực dân phong kiến, phản khoa học cản trở sự tiến bộ xã hội... được đi vào thực hiện rộng rãi trong nhân dân.

Bắt tay vào thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mới, các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, khắc phục tư tưởng cầu an, ngại khổ, muốn được nghỉ ngơi, chống tư tưởng bi quan, chán nản do bị ảnh hưởng trước một số sai lầm trong giảm tô được Chi bộ liên tục đẩy mạnh và bước đầu thực hiện có kết quả.

Công tác xây dựng Đảng trong năm 1957 tập trung vào việc đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, quan tâm hơn nữa đến việc bồi dưỡng những cán bộ, đảng viên cốt cán, chống tư tưởng thành phần chủ nghĩa trong đề bạt cán bộ lãnh đạo. Chi bộ Đảng đã tổ chức hội nghị đảng viên để kiểm điểm tình hình, nhất là triển khai học tập Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 10 mở rộng, bước đầu đã tạo được sự chuyển biến trong tư tưởng đảng viên.

Gắn liền với sự nghiệp cách mạng chung cả nước, thời kỳ này, nhân dân các dân tộc trong huyện nói chung, trong xã nói riêng còn hăng hái tham gia đóng góp xây dựng đất nước, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Trong hai năm (1954-1955), xã đã cử hàng chục nhân công tham gia lao động tại công trường phía nam của tỉnh, trong đó có việc khai thác gỗ làm tà vẹt xây dựng đường sắt, làm kho tàng, làm đường dây điện thoại. Đồng thời, nhân dân trong xã còn tham gia mít

tinh nhất trí kiến nghị lên Ủy ban quốc tế giám sát thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Mỹ, ngụy phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, để đồng bào miền Nam thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Từ tháng 7-1956, cùng với nhân dân các xã trong huyện, nhân dân Yên Thượng đều thi đua lao động sản xuất góp phần xây dựng hậu phương miền Bắc vững mạnh, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh chống Mỹ ngụy, thống nhất nước nhà của đồng bào miền Nam.

Hơn ba năm, kể từ khi miền Bắc được giải phóng đến năm 1957, trong khoảng thời gian rất ngắn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Yên Thượng đã khắc phục khó khăn, vượt qua mọi thử thách, nhất là khắc phục những hậu quả nặng nề do cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp để lại để từng bước ổn định xã hội, khôi phục và phát triển sản xuất. Những thành tựu bước đầu trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế đã dần tạo ra những điều kiện, cơ sở quan trọng cho việc xây dựng quan hệ sản xuất mới. Những thành tựu đó như một dấu mốc quan trọng, đánh dấu thời kỳ phát triển trong điều kiện mới của xã Yên Thượng. Đồng thời, đó cũng là thời gian “*bản lề*” để cán bộ, đảng viên và nhân dân Yên Thượng chính thức bước vào thời kỳ thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội một cách toàn diện trong những năm tiếp theo.

Năm 1958, bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, để thuận tiện cho nhiều hoạt động và thực hiện tốt các nhiệm vụ, xã Yên Thịnh được tách ra làm 3 xã là: Yên Thượng, Yên Thịnh, Bản Thi. Cùng với sự kiện tách xã, **Chi bộ xã Yên Thượng cũng được thành lập**. Thời điểm này, Chi bộ có 11 đảng viên, do đồng chí Triệu Văn Thượng làm Bí thư, đồng chí Ma Văn Lô làm Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân trong xã được cải thiện một bước.

Tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 chủ trương phát triển kinh tế, văn hóa trong kế hoạch 3 năm 1958-1960 và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh. Hội nghị đã ra Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1958-1960) và nhấn mạnh: *“Kinh tế nước ta căn bản là kinh tế nông nghiệp. Chúng ta phải lấy hợp tác hóa nông nghiệp làm khâu chính để thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”*. Đồng thời chỉ rõ: *“Hợp tác hóa là con đường đúng đắn nhất để đưa nông thôn miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội”*¹.

1. Trích Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1958.

Trong thời kỳ khôi phục kinh tế sau chiến tranh, năm 1957, một hình thức sản xuất mới đã xuất hiện ở Yên Thượng, đó là việc thành lập các tổ đổi công. Đây là hình thức hợp tác sản xuất giản đơn, được thành lập để giúp đỡ nhau trong sản xuất, trên cơ sở tự hữu về tư liệu sản xuất và kinh doanh cá thể. Bắt nguồn từ kinh nghiệm vòng công, dưới sự phân phối điều hành của tổ trưởng, các tổ viên quay vòng hoàn thành công việc của tất cả các gia đình trong tổ theo đúng yêu cầu thời vụ, nhất là lúc ngày mùa bận rộn. Ban đầu các tổ viên lao động đổi công cho nhau, không lấy tiền công. Về sau tiến lên xây dựng tổ đổi công thường xuyên bằng bình công chấm điểm để phù hợp với phân công lao động.

Đối với huyện Chợ Đồn nói chung, xã Yên Thượng nói riêng, trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp có những thuận lợi cơ bản: nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước, cách mạng, cần cù lao động. Phong trào đổi công tiếp tục được xây dựng và củng cố, có tác dụng hướng đồng bào các dân tộc làm quen dần với hình thức sản xuất tập thể. Tuy nhiên, cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp ở đây cũng gặp không ít khó khăn. Đó là sự thay đổi căn bản thói quen, nếp nghĩ, nếp làm có từ bao đời nay đối với nông dân trên mảnh ruộng của họ. Khó khăn lớn và lâu dài nữa là dân cư, làng bản thưa thớt, ruộng đất phân tán, manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu, ngoài công

cụ cày bừa, trâu kéo, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất hầu như không có gì.

Sau nhiều nỗ lực, đến năm 1958, Yên Thượng có 11 tổ đổi công. Năm 1960, thành lập hợp tác xã đầu tiên, lấy tên là Hợp tác xã Liên Minh (gồm Nà Mòn, Che Ngụ và Bản Bầy), do ông Ma Đình Bầy làm Chủ nhiệm.

Tháng 4-1960, Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn lần thứ IV được tổ chức. Đại hội nêu quyết tâm: trong năm 1960 phải “căn bản hoàn thành hợp tác hóa toàn huyện, xóa xong các xã không có hợp tác xã”¹. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “năm 1960 lấy việc cải tạo phát triển nông nghiệp làm nhiệm vụ hàng đầu trong toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng yếu mà trung tâm là mở rộng, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, đi đôi với phong trào hợp tác hóa phải gấp rút cải tiến kỹ thuật. Trong phát triển nông nghiệp lấy phát triển cây lúa, hoa màu làm chính”².

Tháng 9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) là ra sức phấn đấu thực hiện một bước công

1. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn khóa IV, tr13, lưu trữ Huyện ủy Chợ Đồn.

2. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn khóa IV, tr13, lưu trữ Huyện ủy Chợ Đồn.

nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp được xem là nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết lần thứ 16 (khóa II) năm 1959 của Trung ương Đảng đã nêu: *“Hiện nay hợp tác hóa nông nghiệp là khâu chính trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, đồng thời góp phần quan trọng đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc”*. Tuy nhiên, cuộc vận động gặp phải nhiều khó khăn do tính chất làm ăn cá thể, manh mún đã ăn sâu trong tiềm thức của người nông dân từ lâu đời, công cụ sản xuất lạc hậu. Vì vậy, việc xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong từng thôn, xóm thực sự là một cuộc đấu tranh lâu dài, gay go và phức tạp. Các hợp tác xã ra đời dựa trên nguyên tắc tự nguyện, do đó, trước tiên phải vận động các gia đình cách mạng, gia đình cán bộ lấy đó làm nòng cốt trong phong trào gia nhập hợp tác xã nông nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 14 và lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Thượng đã đẩy lên phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đến đầu năm 1960 đã có 100% số hộ của xã vào hợp tác xã. Trong

phong trào thi đua sản xuất, lực lượng dân quân là lực lượng đi đầu trong các lĩnh vực: xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng, ứng dụng khoa học kỹ thuật giống mới vào sản xuất.

Là xã có diện tích rừng tự nhiên khá lớn và thực hiện sự chỉ đạo của huyện, các hợp tác xã của Yên Thượng đã lập ra các tổ sơn tràng, tiến hành khai thác, vận chuyển gỗ. Việc khai thác gỗ theo kế hoạch đã đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, tăng thêm ngân sách cho hợp tác xã.

Trong khi cán bộ, đảng viên và nhân dân Yên Thượng đang cùng nhân dân miền Bắc hăng hái thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì tại miền Nam đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm ra sức đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, điên cuồng hô hét “*Bắc tiến*”. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (tháng 5-1959) về đường lối, nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Chi bộ đã thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên cùng lực lượng bán vũ trang và nhân dân địa phương nâng cao cảnh giác, tăng cường công tác an ninh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam. Mạng lưới an ninh nhân dân được xây dựng và không ngừng phát triển, lực lượng bán vũ trang được củng cố với 127 đội viên. Hàng năm, các lực lượng

này đều được huấn luyện, trang bị vũ khí và xây dựng phương án chiến đấu, làm nòng cốt trong việc giữ gìn an ninh, bảo vệ thôn xóm.

Sau ba năm nỗ lực phấn đấu, vừa cải tạo vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa (1958-1960), các cán bộ, đảng viên và nhân dân Yên Thượng đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực. Đời sống của nhân dân được cải thiện. Diện mạo miền quê xã Yên Thượng đổi mới từng ngày. Đây được coi là một bước chuyển biến sâu sắc trên mọi mặt sản xuất và đời sống xã hội, tạo tiền đề cho toàn xã bước vào một giai đoạn mới để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện cải cách, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Yên Thượng còn bộc lộ nhiều nhược điểm, khiến các phong trào chưa thật vững chắc. Để từng bước ổn định, chính quyền xã đã củng cố thêm quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, bồi dưỡng về trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân. Những kết quả thắng lợi trong 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa chính là tiền đề quan trọng để Chi bộ và nhân dân xã Yên Thượng tiếp tục tiến lên thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Năm 1961, Yên Thượng thành lập Hợp tác xã Bản Nhảm (gồm Nà Nhảm, Nà Mền, Nà To, Bản Liên), do ông Triệu Văn Sôi làm Chủ nhiệm.

Cùng trong năm 1961, Hợp tác xã Liên Minh được thành lập (gồm Che Ngù, Nà Mòn, Bản Bậy) do ông Ma Văn Lô làm Chủ nhiệm và Hợp tác xã Nà Đô được thành lập (gồm Nà Huống, Nà Cà, Nà Khuất, Cò Hón) do ông Triệu Văn Thượng làm Chủ nhiệm.

Năm 1963, xã tiến hành công hữu hóa ruộng đất (đo đạc đất đai và bình tuyển trâu, bò vào hợp tác xã).

Bên cạnh các hợp tác xã nông nghiệp, Hợp tác xã Tín dụng của xã cũng được thành lập năm 1961, do ông Nông Văn Tiêu làm Chủ nhiệm. Riêng Hợp tác xã Mua bán của xã được thành lập muộn hơn. Sự ra đời của hợp tác xã đã đánh dấu những thành công quan trọng ban đầu cho mọi nỗ lực, cố gắng của Chi bộ và nhân dân Yên Thượng, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn xã phát triển.

Năm 1963, thực hiện chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực với Nhà nước, Yên Thượng là một trong số nhiều xã hoàn thành tốt đạt và vượt kế hoạch cấp trên giao.

Năm 1963, Chi bộ xã Yên Thượng tổ chức Đại hội lần thứ II, nhiệm kỳ 1963-1965. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Thượng được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Lô được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, văn hóa miền núi của Đảng, trong hai năm 1963-1964, đã có gần 1.400 nhân khẩu từ miền xuôi lên Chợ Đồn khai hoang lập nghiệp. Nhân dân các dân tộc trong xã Yên Thượng đã đón tiếp, giúp đỡ đồng bào ổn định sản xuất và đời sống. Số đông đồng bào dưới xuôi lên được bố trí vào Bản Liên. Năm 1964, thành lập Hợp tác xã Tân Thượng (Hợp tác xã của nhân dân các huyện Vũ Thư, Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ thuộc tỉnh Thái Bình) lên làm kinh tế mới. Hợp tác xã do ông Phạm Văn Hoa làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã ra đời trên cơ sở khai hoang, phục hóa ruộng đất ở địa phương kết hợp trồng màu ở soi bãi và trồng lúa trên nương rẫy. Song, do thiếu phương tiện, kỹ thuật sản xuất, phân bón... nên năng suất cây trồng thấp, đời sống của số đông đồng bào còn gặp nhiều khó khăn.

Sản xuất nông nghiệp là khâu chính của kế hoạch 5 năm. Trong sản xuất vụ đông - xuân 1964, nhân dân trong xã tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất lúa chiêm, đặc biệt Yên Thượng đã đạt và vượt kế hoạch huyện giao về diện tích cấy lúa Nam Ninh.

Nhằm giải phóng đôi vai, các hợp tác xã nông nghiệp bắt đầu có phong trào làm loống kéo phân để chuyên chở phân ra đồng ruộng và chở thóc lúa về kho.

Năm 1964, so với các năm trước, sản lượng lương thực tăng 1,6 lần, đàn trâu lợn tăng 2 lần, các lĩnh vực thương nghiệp, giao thông vận tải, y tế, giáo dục đều phát triển tốt, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị định số 221 của Chính phủ, công tác bảo vệ rừng được cấp trên rất quan tâm, tập trung vận động nhân dân thực hiện trở thành phong trào toàn dân. Đối với Yên Thượng, từ năm 1965 trở đi phong trào trồng cây ngập trảng khu công trình có bước chuyển biến đáng kể, xã trồng được nhiều loại cây như: cây ăn quả, cây lấy gỗ... Tổ sơn tràng ở hợp tác xã khai thác gỗ theo kế hoạch của huyện đều đạt kế hoạch đề ra.

Đời sống văn hóa tinh thần trong những năm thực hiện kế hoạch của Nhà nước đã từng bước được cải thiện, nâng cao. Thời gian đầu thực hiện kế hoạch, cơ sở vật chất phục vụ văn hóa thông tin cho nhân dân trong xã còn thiếu thốn nên hoạt động văn nghệ còn rất lẻ tẻ, chưa thành phong trào thực sự. Chỉ đến khi, huyện mời các đoàn văn công, đội chiếu bóng của tỉnh về phục vụ lưu động trên địa bàn huyện thì nhân dân trong xã mới có cơ hội được xem. Từ năm 1963 trở đi, Ban văn hóa thông tin của xã được tổ chức đã giúp cơ sở xây dựng đội văn nghệ. Đội khai thác vốn văn hóa cổ truyền của dân tộc, trong các buổi trình diễn mang tính chất “cây nhà, lá vườn” nên rất được nhân dân hoan nghênh, đón nhận đông đảo và nhiệt tình. Đội đèn chiếu

của huyện sau khi thành lập đã phục vụ nhân dân các xã rất tốt, thu hút nhiều lượt người xem. Công tác văn hóa, thông tin thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền trong nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, phong trào thi đua lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc đấu tranh chống Mỹ, nguy ở miền Nam.

Việc xây dựng đời sống mới được Chi bộ, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Việc tổ chức ma chay, cưới xin đã văn minh, gọn nhẹ hơn trước, những người làm nghề thầy cúng (bụt, tào, mo, then) được giáo dục nhằm xóa bỏ tệ mê tín dị đoan trong nhân dân, góp phần vào xây dựng nếp sống mới, tiến bộ và giữ vững trị an xã hội. Một số hợp tác xã đã tổ chức được các đội văn nghệ thường xuyên biểu diễn trong Đại hội xã viên, hoặc trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn với những chương trình, tiết mục đặc sắc, nêu cao truyền thống văn hóa của dân tộc.

Để giúp phụ huynh yên tâm lao động sản xuất, hợp tác xã của xã đã xây dựng được cơ sở giữ trẻ, tạo điều kiện cho cha mẹ tham gia lao động sản xuất và công tác xã hội đạt hiệu quả cao nhất.

Thực hiện Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 51 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc trấn áp bọn phản cách mạng ở địa phương, trong năm 1963, công tác giáo dục quần chúng, nâng cao cảnh giác được tăng

cường. Qua việc kiểm soát hộ khẩu chặt chẽ đã phát hiện được những kẻ lạ mặt thường len lỏi, trú ngụ trong nhân dân tung các luận điệu, phao tin đồn nhảm nhằm gây hoang mang trong quần chúng, nghi ngờ chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, công tác quân sự địa phương được Chi bộ Đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm. Năm 1963, Yên Thượng là một trong những xã khá của huyện về công tác bảo vệ trị an. Năm 1964, Yên Thượng tiếp tục là một trong những xã khá nhất của huyện về việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Qua các lớp tập huấn do huyện đội phụ trách, công tác chính trị tư tưởng, chỉ huy tác chiến trong dân quân tự vệ được nâng cao, là lực lượng nòng cốt giữ gìn trật tự trị an xã hội, quốc phòng - an ninh.

Thực hiện Chỉ thị số 156 (ban hành tháng 11-1959) của Trung ương về thực hiện cuộc vận động cải cách dân chủ nhằm thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, củng cố nông thôn theo đường lối giai cấp của Đảng, qua học tập đã góp phần nâng cao nhận thức lập trường giai cấp trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã, tạo nên không khí phấn khởi, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng.

Qua cuộc vận động dân chủ, vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố thêm, Chi bộ Đảng đã thể hiện rõ

là hạt nhân tổ chức lãnh đạo ở cơ sở, động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò làm chủ của mình, tham gia quản lý xã hội thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân để cử ra chính quyền. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Chi bộ là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm mục đích làm cho cán bộ, đảng viên thực sự là hạt nhân lãnh đạo phong trào ở các hợp tác xã và trên địa bàn xã. Năm 1965, Chi bộ Yên Thượng đạt danh hiệu Chi bộ khá của huyện.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang đi vào giai đoạn cuối và thu được một số kết quả nhất định thì bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ. Ngày 5-8-1964, Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ”, cho máy bay ném bom, bắn phá miền Bắc. Trong hoàn cảnh đó, Chi bộ và nhân dân Yên Thượng cùng nhân dân miền Bắc bước vào giai đoạn lịch sử mới, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, chi viện tối đa sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong 5 năm (1961-1965), một thời gian tuy không dài trong tiến trình lịch sử. Nhưng trong khoảng thời gian đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, Chi bộ cùng với nhân dân địa phương đã bước vào một chặng đường lịch sử mới. Bằng sự nỗ lực cao độ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Yên Thượng đã tạo ra những biến đổi nhất định trên mảnh đất quê hương. Đời sống

vật chất và tinh thần của người dân từng bước được cải thiện. Nhiều hộ gia đình đã làm được giếng nước, xây dựng chuồng trại, hồ xí hợp vệ sinh. Qua cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, nhiều tập tục lạc hậu bị đẩy lùi và xóa bỏ. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, mê tín dị đoan được hạn chế. Đồng ruộng được cải tạo, tăng thêm độ phì nhiêu và màu mỡ, năng suất cây trồng vật nuôi ngày càng nâng cao. Cuộc sống ở các thôn xóm trở nên đông vui, yên ả. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định tại Hội nghị Chính trị đặc biệt (tháng 3-1964): *“Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”*.

II. CHI BỘ XÃ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TÍCH CỰC XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, GÓP PHẦN LÀM THẤT BẠI HAI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TIẾN TỚI THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

Trong hoàn cảnh lịch sử mới, ngày 21-4-1965, tỉnh Bắc Kạn sáp nhập vào tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Huyện Chợ Đồn trở thành một trong những huyện vùng cao của tỉnh Bắc Thái. Từ đây, nhân dân Yên Thượng cùng nhân dân các xã trong huyện bước vào thực hiện nhiệm vụ lịch sử mới: vừa xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, vừa góp phần vào cuộc

chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm 1965, Đại hội Chi bộ xã Yên Thượng lần thứ III, nhiệm kỳ 1965-1967 được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được của nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới là: **Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường, củng cố hoạt động của hợp tác xã. Tăng cường, đảm bảo hoạt động quốc phòng - an ninh, làm tốt công tác phòng gian bảo mật, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của kháng chiến.**

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Thượng được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Lô được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước với khí thế khẩn trương, sôi nổi “Vừa sản xuất - vừa chiến đấu”, xã đã tập trung gieo cấy với tất cả tinh thần cao nhất. Các tổ chức quần chúng và lực lượng trẻ của xã là lực lượng đi đầu trong phong trào thi đua yêu nước. Đặc biệt từ tháng 2, 3-1965, phong trào “Thanh niên 3 sẵn sàng”, “Phụ nữ 3 đảm đang” vừa sản xuất, vừa chiến đấu được đẩy lên sôi nổi. Cùng với các phong trào chống Mỹ cứu nước của thanh niên, phụ nữ, còn có phong trào “Tay búa, tay súng” của công nhân, “Tay liềm, tay súng” của nông

dân, cả miền Bắc sôi sục phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai”.

Thực hiện Chỉ thị số 140 của Trung ương Đảng và Chỉ thị số 164 của Phủ Thủ tướng, ngành y tế nhanh chóng chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Theo quyết định của Ty Y tế Bắc Thái, Ban Y tế phòng không các cấp từ tỉnh đến xã được thành lập. Theo đó, Ban Y tế xã Yên Thượng được thành lập. Ban đã mở lớp đào tạo ngắn ngày cho dân quân tự vệ về cấp cứu ngoại cho cơ sở. Các cơ quan, trường học trên địa bàn xã cũng nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Tại nơi sơ tán luôn đảm bảo các điều kiện làm việc, học tập và có hầm hào phòng không chắc chắn. Cán bộ, giáo viên và học sinh luôn được hướng dẫn sử dụng, trang bị các đồ dùng cứu thương cần thiết.

Đứng trước âm mưu mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, ngày 17-7-1965, Bộ Quốc phòng quyết định lấy một số xã ở Chợ Đồn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) của Trung ương, thành lập công trường Z3 xây dựng Sở Chỉ huy cao cấp ở khu căn cứ Chợ Đồn.

Tháng 7-1965, công trình quốc phòng Z3-ATK được khởi công xây dựng ở Yên Thượng, đồng thời công trường 114 mở đường 255 từ Bằng Lãng đi Tuyên Quang cũng được thi công. Hàng nghìn người cư trú

trên địa bàn suốt 15 năm, nhân dân và lực lượng vũ trang Yên Thượng đã đồng tâm hiệp lực, phối hợp cùng các đơn vị bạn duy trì giữ bí mật, bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tuyệt đối tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản xã hội chủ nghĩa. Cuối năm 1965, đơn vị bộ đội công trường 65 xây dựng kho kỹ thuật tại Khuổi Nà và khai thác đá làm đường tại Phya Thiếc và Pù Lôm Pao, do ông Chu Văn Lày làm cán bộ phụ trách.

Nhân dân Yên Thượng đã giúp đỡ, nhường nhà cho bộ đội và công nhân ở, đồng thời ủng hộ bộ đội và công nhân làm lán trại được hơn 25 nghìn cây tre, vầu, nứa. Vận động nhân dân và lực lượng phụ nữ, thanh niên ủng hộ 5.800kg rau quả các loại, 2.800kg gạo nếp, hơn 10 tấn thịt (gà, cá, vịt), góp hàng nghìn cây mai, tre hóp để xây dựng công trình. Hàng năm, cả xã còn cung cấp cho công trường 65 và công trường 114 bình quân 25 con trâu thịt, 5 tấn thịt lợn hơi.

Nhằm giữ gìn bí mật bảo đảm an toàn cho ATK, việc bảo vệ rừng tại khu căn cứ được đặt thành chế độ nghiêm ngặt. Nhân dân đã tuân thủ không chặt cây xanh ở khu cấm. đồng thời tiến hành trồng cây, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo đảm thực hiện tốt các quy định phòng tránh máy bay địch.

Công tác tuần tra canh gác kể cả ban đêm trở thành nhiệm vụ thường trực của lực lượng công an và dân

quân tự vệ ở xã với nhiệm vụ bảo vệ kho tàng, các công trình của Trung ương, địa phương, phát hiện kẻ lạ mặt hoặc kẻ có hành động khả nghi. Nhờ đó, các hoạt động biệt kích, gián điệp đã được kịp thời ngăn chặn, xử lý.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng trên, công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu trở thành một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và chính quyền.

Quán triệt chỉ thị của Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Tỉnh đội Bắc Thái, trong năm 1965, Chợ Đồn đã mở lớp huấn luyện cho 130 cán bộ chỉ huy các cơ sở, qua đó triển khai công tác huấn luyện ở hai xã Ngọc Phái và Yên Thượng để rút kinh nghiệm chỉ đạo công tác huấn luyện trên diện rộng.

Từ năm 1965-1968, công tác huấn luyện chính trị, quân sự cho lực lượng hậu bị của huyện đạt nhiều kết quả quan trọng. Trong đó, Yên Thượng cũng đã hoàn thành tốt chương trình, kế hoạch huấn luyện, các khoa mục đều đạt kết quả cao. Qua huấn luyện đã góp phần nâng cao năng lực tổ chức chỉ huy chiến đấu, hợp đồng tác chiến của dân quân, tự vệ.

Những năm 1965-1968, lực lượng hậu bị không ngừng phát triển. Trong khi phần lớn nam thanh niên lên đường nhập ngũ, tại địa phương nhiều chị em hăng hái tham gia dân quân, tự vệ, thay chồng hoặc người

thân trong gia đình làm nhiệm vụ bảo vệ hậu phương. Quá trình xây dựng lực lượng hậu bị, Chi bộ, chính quyền xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo, qua đó đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Trong công tác quân sự địa phương, ngoài xây dựng và huấn luyện dân quân tự vệ theo yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Chi bộ, chính quyền rất quan tâm đến việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có con em đang tại ngũ. Với các gia đình thuộc diện chính sách gặp hoàn cảnh neo đơn, thiếu lao động hoặc thiếu nơi nương tựa đều được hợp tác xã điều hòa lương thực, góp phần ổn định đời sống. Nhờ đó, xã đã làm tốt công tác tuyển quân, đảm bảo các chỉ tiêu, yêu cầu, kế hoạch tuyển quân cấp trên giao.

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra khốc liệt trên địa bàn tỉnh, gây nhiều khó khăn, trở ngại cho sản xuất nhưng Chi bộ và nhân dân các dân tộc trong xã vẫn nêu cao tinh thần cách mạng, quyết tâm giữ vững sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về lương thực, thực phẩm đối với tiền tuyến.

Năm 1967, đế quốc Mỹ đẩy mạnh leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, gây cho nhân dân ta những thiệt hại nặng nề về kinh tế và khó khăn trong sản xuất.

Thời điểm này, nam thanh niên ở các xã trong huyện, trong đó có Yên Thượng lên đường tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu đông hơn những năm trước, do đó lực lượng lao động ở hợp tác xã chủ yếu là nữ. Thấy được trách nhiệm của mình ở hậu phương, chị em đã phát huy vai trò đảm đang trong gia đình, sản xuất ở hợp tác xã và công tác xã hội. Vụ đông xuân năm 1966-1967 lúc chiêm và lúa Nam Ninh của xã gieo trồng đạt trên 80% kế hoạch.

Vượt lên những vất vả, khó khăn, trong sản xuất nông nghiệp, năng suất lúa của xã không ngừng tăng, năm 1965 đạt 18 tạ/ha, năm 1966 đạt 22 tạ/ha, năm 1967 đạt 28 tạ/ha. Các chỉ tiêu thuế, nghĩa vụ, lương thực thực phẩm hàng năm đều đạt và vượt từ 5-10%.

Về sản xuất hoa màu, do thời tiết rét đậm kéo dài nên đông - xuân 1966-1967, diện tích ngô trồng được ít, khoảng 30% kế hoạch, nhưng bù lại, sản trồng ở trên đồi đạt cao.

Quán triệt chủ trương của Huyện ủy, nhân dân trong xã ra sức thâm canh, sử dụng triệt để các loại phân chuồng, phân mục, đảm bảo bón trên diện tích gieo trồng vụ đông - xuân.

Cũng trong năm 1967, Hợp tác xã Mua bán của Yên Thượng được thành lập, do ông Ma Ngọc Kim làm Chủ nhiệm.

Năm 1967, Đại hội Chi bộ xã Yên Thượng lần thứ IV, nhiệm kỳ 1967-1969 được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1967-1969.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Thượng được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Ngọc Kim được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Càng thua đau, đế quốc Mỹ càng điên cuồng bắn phá miền Bắc. Ngày 4-7-1968, chúng ném 8 quả bom xuống Nà Kén (Yên Thượng), trong đó có 2 quả nổ chậm gây một số thương vong cho đơn vị bộ đội. Lực lượng vũ trang xã và nhân dân địa phương đã kịp thời đến cùng đơn vị giải quyết hậu quả, cấp cứu thương binh và hướng dẫn nhân dân sơ tán.

Năm 1968, các hợp tác xã hợp thành hai hợp tác xã bậc cao là: Hợp tác xã Tân Minh (trên cơ sở hợp nhất 3 hợp tác xã Nà Nhàm, Tân Thượng và Liên Minh), do ông Ma Văn Lô làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã Nà Đô, do ông Ma Thế Vàng làm Chủ nhiệm. Lý do xã chưa hợp nhất được hợp tác xã toàn xã vì địa lý cách trở dân cư thưa thớt hơn 3km, đi lại gặp nhiều khó khăn, không tập trung được, khi đánh kèng thì xã viên ở Nà Đô cũng không nghe được.

Thời kỳ hợp tác xã, nộp nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước là 20kg lợn hơi và 2kg gà/lao động/năm.

Công lao động là 2 lao động phụ bằng 1 lao động chính. Đối với lương thực: 1 ngày công trung bình được 8 lạng thóc. Lý do ít như vậy mà vẫn đủ ăn là vì tình trạng rong công phóng điểm. Ví dụ, hệ thống mương phai làm hết khoảng 1.000 công thì ước lên 2.000 công, nên cơ bản số thóc được quy ra ngày công ít nhưng số ngày công lại nhiều nên số lượng thóc quy theo công điểm mỗi vụ vẫn khá. Thực hiện nghĩa vụ cho nhà nước được các hợp tác xã nghiêm chỉnh chấp hành và đạt chỉ tiêu. Riêng Hợp tác xã Tân Minh thời kỳ cao nhất bán hơn 8 tấn lương thực và 5 tấn lợn hơi/năm. Hợp tác xã Nà Đò bán 4 tấn lương thực và 2 tấn lợn hơi/năm.

Hưởng ứng cuộc vận động hai năm làm thủy lợi, hợp tác xã nông nghiệp đã ra sức xây dựng các công trình thủy lợi đảm bảo tưới và tiêu nước một cách chủ động. Nhân dân tập trung làm mương phai tốt đã giúp diện tích ruộng hai vụ tăng hơn trước. Tình trạng cây chay đã được xóa bỏ. Lượng phân bón vụ mùa tiếp tục được tăng cường, nhờ đó năng suất lúa bình quân tăng lên.

Quan hệ sản xuất mới không ngừng được củng cố. Trong quá trình tiến tới hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, nhân dân đã đưa phần lớn đất canh tác vào hợp tác xã. Đến năm 1968, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với khai hoang, định canh định cư đã tạo bước chuyển biến mới, thu hút hơn 90% số hộ trong xã tham gia.

Thực hiện chủ trương củng cố, cải tiến quản lý hợp tác xã, đến năm 1968, các hợp tác xã của xã đã qua cải tiến vòng I. Trong phong trào thi đua thâm canh tăng năng suất đã xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến và khá. Tuy nhiên, tình hình sản xuất còn nhiều khó khăn, chậm phát triển, thu nhập của xã viên thấp. Nguyên nhân là do năng lực tổ chức quản lý của cán bộ còn yếu, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn dẫn đến không tạo được bước chuyển biến trong các hợp tác xã.

Từ những năm 1965-1969, trên địa bàn xã có thêm hơn 1 vạn người, cùng với các loại phương tiện giao thông hoạt động, máy móc, vật tư dồn về, vấn đề bảo đảm an ninh, trật tự trị an càng gặp nhiều khó khăn. Công tác phòng không sơ tán, phòng gian bảo mật được quán triệt tới mọi người dân, được nhân dân và lực lượng vũ trang xã che chở, bảo vệ. Trong 4 năm, lực lượng vũ trang nhân dân đã làm 220 lán trại để sơ tán người già và trẻ em, xây dựng 12 nhà trẻ, làm lán trại sơ tán, các phương tiện máy móc thi công xây dựng đường 255 và công trình quốc phòng Z3. Đào hàng nghìn mét giao thông hào, 130 hầm trú ẩn ở các gia đình, khu sơ tán và ven đường giao thông.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện, Chi ủy, chính quyền xã đặc biệt coi trọng củng cố tiềm lực thể trận quốc phòng an ninh toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân tại chỗ

bảo vệ quê hương, làng bản. Quân số từ 1 trung đội năm 1965 lên đến 1 đại đội năm 1969. Mỗi thôn bản đều có từ 3 dân quân trở lên được trang bị súng K44, thường xuyên được luyện tập, rèn luyện các phương án phòng chống thám báo biệt kích, bắn máy bay bay thấp, duy trì trật tự trị an ở thôn bản.

Nhân dân và lực lượng dân quân tự vệ đã cuu mang, ủng hộ bộ đội, huy động hơn 550 ngày công, lấy đá lấp đường, kéo xe, chống lầy hàng vạn lượt xe ô tô, góp phần xây dựng khu công trình quốc phòng Z3. Phối hợp cùng các đơn vị bộ đội, lực lượng công an mật (đặt 5 vọng gác bảo vệ công trình) nắm chắc các đối tượng trên địa bàn, phát hiện kịp thời những kẻ lạ mặt xuất hiện trong khu vực nên đã đảm bảo được bí mật an toàn cho công trình, được Ủy ban hành chính tỉnh và Ty Công an tặng bằng khen.

Chi bộ, chính quyền luôn quan tâm thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình có con em đi bộ đội gặp khó khăn, vận động nhân dân và các tổ chức đoàn thể đóng góp, giúp đỡ về vật chất và ngày công. Kết quả được 505 ngày công, 250 vác củi, tu sửa được 5 ngôi nhà, ngoài ra còn giúp đỡ sách bút, giấy cho các cháu đi học.

Lực lượng dân quân xã còn đào hơn 200 mét giao thông hào, hàng trăm hầm trú ẩn cá nhân cho trường cấp 1 và 5 hầm trú ẩn cho các cháu học lớp vỡ lòng, góp

phần cho các cháu yên tâm cấp sách đến trường trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

Từ những đặc thù của xã vùng cao, 3/4 diện tích là rừng núi, do đó kinh tế rừng được quan tâm bảo vệ và khai thác có kế hoạch. Lực lượng vũ trang xã đã tuyên truyền, vận động nhân dân không phát nương làm rẫy, không phá rừng. Hơn 30 năm, kể từ năm 1945-1975, rừng ở xã Yên Thượng cơ bản được bảo vệ tốt, tỷ lệ che phủ của rừng còn trên 70%, nhất là khu công trình quốc phòng Z3 hầu như vẫn còn giữ được nguyên vẹn.

Trong những ngày đêm không ngừng tiếng gầm rít của các loại máy bay địch, nhờ vào sự đóng góp công sức, tiền của của nhân dân để xây dựng trường lớp nên con em các dân tộc xã Yên Thượng vẫn đến trường đầy đủ, không phải bỏ trí học hai ca như những nơi khác. Chất lượng học tập và đạo đức học sinh tốt, nhiều học sinh sau này đã trở thành cán bộ lãnh đạo các ban, ngành của huyện, tỉnh và Trung ương.

Trạm xá xã thường xuyên được duy trì gồm 1 y sĩ, 2 y tá. Các loại thuốc thông thường được đáp ứng đầy đủ, cán bộ nhiệt tình và có chuyên môn vững, góp phần làm giảm hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan ở địa phương...

Ma chay, cưới xin được thực hiện theo nếp sống mới, các thầy phù thủy, bụt, tào bị kiểm điểm trước dân.

Chính từ những thành quả lao động đó đã tạo nên nguồn giá trị vật chất, tinh thần, nguồn động viên to lớn cho con em các dân tộc của quê hương đang chiến đấu ngoài mặt trận.

Yên Thượng là một xã ít dân, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ, song nhân dân và lực lượng vũ trang xã đã tận dụng mọi khả năng, chất chiu từng cân ngô, cân thóc, cân thịt lợn, động viên nhau đóng góp đầy đủ và vượt mức các chỉ tiêu thuế, nghĩa vụ Nhà nước giao. Thanh niên trẻ khỏe của cả 10 thôn đều xung phong tòng quân ra chiến trường giết giặc, thậm chí có cả một số người tuổi trung niên cũng háo hức xung phong. Các đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp như Nà Đô, Tân Minh đều tích cực hoạt động, động viên toàn thể hội viên và nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, thường xuyên canh gác, tuần tra thực hiện “3 không, 3 nhớ”, phòng gian bảo mật giữ yên bản làng. Đặc biệt phong trào “3 đảm đang” của Hội phụ nữ và phong trào “3 sẵn sàng” của Đoàn Thanh niên đã có sức lôi cuốn mạnh mẽ, được tỉnh hội và tỉnh đoàn tặng nhiều bằng khen, giấy khen cùng cờ thưởng luân lưu.

Năm 1969, Đại hội Chi bộ xã Yên Thượng lần thứ V, nhiệm kỳ 1969-1971 được tổ chức. Đại hội tổng kết những thành tích và hạn chế của nhiệm kỳ 1967-1969 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới

là củng cố hậu phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Thượng tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Ngọc Kim tiếp tục được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Vụ đông - xuân 1970-1971, do có đủ nước trong nông nghiệp nên nhân dân gieo cấy đạt 100% kế hoạch đề ra. Để đảm bảo chỉ tiêu về năng suất và sản lượng, Chi bộ Đảng, chính quyền hết sức quan tâm chỉ đạo nhân dân áp dụng tốt các biện pháp kỹ thuật và tăng cường chăm bón. Được sự hướng dẫn của cán bộ huyện, thông qua các lớp bồi dưỡng kỹ thuật về các khâu làm đất, chăm dây cây thẳng hàng, cán bộ chủ chốt xã và hợp tác xã đã nắm bắt được kỹ thuật xử lý giống.

Phân bón các loại cho các trà lúa chiêm, xuân và vụ mùa cũng nhiều hơn các năm trước. Làm phân xanh trở thành phong trào sôi động trong các hợp tác xã, nông dân tranh thủ mọi hoàn cảnh, mọi lúc để tạo nguồn phân bón. Đồng thời, xã viên trong các hợp tác xã còn xây dựng lò vôi nhằm giải quyết nguyên vật liệu xây dựng và để bón ruộng chua, cải tạo đất.

Với sự nỗ lực của nhân dân các dân tộc trong xã, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, năng suất lúa chiêm và lúa xuân bình quân đạt trên 80% kế hoạch. Năng suất lúa mùa giữ vững, đạt trên 90% so với kế hoạch đề ra.

Tổng sản lượng thóc cả vụ chiêm xuân và vụ mùa tăng cao. Trên cơ sở đó thực hiện tốt nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Trên đà thắng lợi căn bản của việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1971 mà trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực, cải thiện một bước đời sống nhân dân ở các xã, tháng 11-1971, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chợ Đồn lần thứ VIII (vòng II) được tiến hành. Phương hướng, nhiệm vụ kinh tế của huyện trong năm 1972 và những năm sau đó được Đại hội xác định là: tập trung phát triển sức sản xuất, tiếp tục phấn đấu đạt 3 mục tiêu trong nông nghiệp nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, làm cơ sở cho việc phát triển chăn nuôi, nghề rừng và cây công nghiệp.

Năm 1971, Chi bộ xã Yên Thượng tổ chức Đại hội lần thứ VI, nhiệm kỳ 1971-1973. Đại hội tiếp tục đề ra mục tiêu, nhiệm vụ là đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân, đóng góp vào công cuộc khôi phục kinh tế ở miền Bắc, chi viện cho chiến trường miền Nam.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Thượng tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Ngọc Kim được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Giữa lúc Yên Thượng đang trên đà tập trung phát triển nông nghiệp, đế quốc Mỹ lại điên cuồng leo thang

đánh phá miền Bắc lần thứ hai. Cuối năm 1972, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 nhằm hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng và các trung tâm công nghiệp, chúng tuyên bố “*đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá*”, buộc nhân dân ta chấp nhận điều kiện của chúng. Một lần nữa nhân dân Yên Thượng cùng với nhân dân miền Bắc bước vào một trận quyết chiến ác liệt.

Trước thử thách mới, ngày 1-6-1972, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết chuyển hướng và đẩy mạnh mọi mặt công tác ở miền Bắc để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Sau khi nhận định tình hình, Bộ Chính trị chỉ rõ: *Chiến tranh đang diễn ra quyết liệt trên đất nước ta, mọi hoạt động của miền Bắc thật sự chuyển hướng nhằm đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu phù hợp với thời chiến. Về nhiệm vụ trước mắt của miền Bắc, Bộ Chính trị vạch rõ: Kiên quyết chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại mới của đế quốc Mỹ, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, chuyển hướng kinh tế phù hợp với điều kiện thời chiến, chuẩn bị mọi mặt để khi có điều kiện thì đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Thắng lợi vang dội của cuộc tiến công chiến lược mùa xuân 1972 trên chiến trường miền Nam và chiến thắng trận “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12-1972, đập tan cuộc tập kích chiến lược của máy bay B52 trên

bầu trời Hà Nội, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt ném bom miền Bắc. Ngày 27-1-1973, Hiệp định Paris được kí kết buộc đế quốc Mỹ kết thúc chiến tranh, tuyên bố rút quân về nước. Thắng lợi này là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tạo đà để cả dân tộc đi tới thắng lợi cuối cùng. Tuy nhiên các thế lực phản động tay sai của chủ nghĩa thực dân mới vẫn còn âm mưu phá hoại hòa bình, ngăn cản con đường độc lập, tự do, thống nhất của dân tộc Việt Nam.

Trong điều kiện chiến tranh, Chi ủy chỉ đạo tiếp tục duy trì hợp tác xã mua bán và tín dụng. Riêng hợp tác xã tín dụng hoạt động ngày càng hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp ở xã có những bước phát triển nhất định, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao.

Năm 1973, Đại hội Chi bộ xã Yên Thượng lần thứ VII, nhiệm kỳ 1973-1975 được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế của nhiệm kỳ 1971-1973 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Thượng giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Đường được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Chợ Đồn vẫn ra sức đẩy mạnh sản xuất, giữ vững

các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng đối với cây lúa và hoa màu.

Vụ mùa năm 1973, hưởng ứng cuộc vận động mở hội thi cấy giỏi, đúng kỹ thuật của Tỉnh Hội Phụ nữ và được Hội Phụ nữ huyện phát động, ở Yên Thượng đã đẩy lên phong trào thi cấy nhỏ dành, cấy dày hợp lý, chẳng dây cây thẳng hàng diễn ra sôi nổi, góp phần đưa sản xuất vụ mùa năm 1973 kịp thời vụ. Các loại hoa màu như ngô, khoai, sắn, đỗ, lạc được hợp tác xã đẩy mạnh gieo trồng nhằm bổ sung nguồn lương thực và thực phẩm.

Việc củng cố các hợp tác xã nhằm nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất, thống nhất kinh doanh và phân phối được Chi bộ, chính quyền rất quan tâm. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên về củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp, Ban Chi ủy lãnh đạo nhân dân định canh, định cư kết hợp củng cố hợp tác xã, tăng cường củng cố về mặt tổ chức, tiến hành đại hội xã viên, thanh quyết toán tài chính công khai, hướng dẫn các hợp tác xã mở rộng ngành nghề... nhờ đó góp phần ổn định tư tưởng, đời sống của nhân dân trong xã.

Công tác xây dựng Đảng được thực hiện trên cả ba mặt là tư tưởng, chính trị và tổ chức. Trong thời gian này, Chi bộ xã đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới. Các lớp cảm tình Đảng được tổ chức để giáo dục,

lựa chọn những cá nhân ưu tú kết nạp vào Đảng. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao chất lượng cho đội ngũ đảng viên được chú trọng. Chi bộ Đảng được củng cố ngày càng chặt chẽ.

Các tổ chức, đoàn thể đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phong trào sản xuất, chiến đấu, chi viện cho miền Nam.

Việc giúp đỡ, động viên bộ đội được Chi bộ thường xuyên quan tâm. Vào những dịp lễ, tết, để động viên tinh thần các chiến sỹ trực trận địa, Hội Phụ nữ xã có tổ chức thăm hỏi, tặng quà để động viên và cổ vũ tinh thần cho các chiến sỹ yên tâm thực hiện nhiệm vụ. Để đảm bảo vũ khí chiến đấu được tốt, Đoàn Thanh niên cùng Hội Mẹ chiến sỹ và nhà trường thường xuyên tổ chức gom giẻ tặng bộ đội. Phong trào “Ba sẵn sàng” trong đoàn viên thanh niên được đẩy mạnh. Đến giữa năm 1966, Yên Thượng đã có hàng chục thanh niên tình nguyện xung kích trên các mặt trận.

Phong trào của các đoàn thể phát triển mạnh. Đoàn Thanh niên phát động phong trào “sạch làng, tốt ruộng” trong thanh thiếu niên, đồng thời vận động các gia đình đào giếng khơi, làm nhà vệ sinh hai ngăn. Công tác phòng trừ dịch bệnh và vận động sinh đẻ có kế hoạch trong y tế thu được kết quả khả quan. Hàng năm, trạm xá xã thường xuyên tổ chức khám chữa bệnh cho nhân

dân bằng các biện pháp y học hiện đại kết hợp với y học dân tộc mang lại kết quả cao. Trong mười năm (1965-1975), trạm đã tiêm phòng dịch bệnh cho hàng trăm lượt người, đảm bảo sức khỏe cho hàng trăm bà mẹ, trẻ em qua các năm.

Trong công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, do nhận thức của nhân dân chưa được đầy đủ, việc vận động sinh đẻ có kế hoạch đạt kết quả chưa cao, chỉ có từ 3-5% số người trong độ tuổi sinh đẻ tự giác sử dụng các biện pháp tránh thai. Do đó, tỷ lệ sinh đẻ của xã hàng năm còn cao, khoảng 2,6%.

Vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trên khắp các mặt trận ở miền Nam quân ta đang tiến công dồn dập, hưởng ứng lệnh tổng động viên toàn miền Bắc, tuổi trẻ Yên Thượng hăng hái lên đường nhập ngũ. Từ tháng 6-1974 đến tháng 4-1975, Yên Thượng đã có hàng chục người khám tuyển nghĩa vụ quân sự, lên đường nhập ngũ.

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đất nước hòa bình, thống nhất, non sông thu về một mối. Nhân dân Yên Thượng cùng đồng bào cả nước bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Qua 10 năm (1965-1975), Chi bộ Yên Thượng lãnh đạo nhân dân chiến đấu, xây dựng chủ nghĩa xã hội và

chi viện cho miền Nam, là thời kỳ Chi bộ xã phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, Chi bộ đã kế thừa, phát huy sáng tạo của thời kỳ trước, nghiên cứu, phân tích hoàn cảnh của địa phương, bám sát các Nghị quyết của Trung ương, tỉnh, huyện. Từ đó, kịp thời đưa ra những chủ trương, biện pháp thích hợp, làm đầy lên phong trào cách mạng quần chúng, thúc đẩy sản xuất phát triển trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chi viện cho miền Nam thu nhiều thành tích đáng kể. Cơ sở chính trị được củng cố vững vàng hơn, đời sống nhân dân ngày càng được đảm bảo.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong quá trình chỉ đạo xây dựng và tổ chức hoạt động ở Yên Thượng còn nhiều hạn chế. Nền kinh tế chưa thực sự phát triển, tốc độ xây dựng cơ sở vật chất tăng rất chậm, sản xuất lương thực chưa vững chắc, năng suất lao động còn thấp, chưa có tích lũy. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng tự cung, tự cấp, đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn và phát triển không đều. Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển chưa mạnh, chưa đáp ứng kịp thời đời sống tinh thần, sức khỏe của nhân dân. Đây là những vấn đề đặt ra cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã phải ưu tiên giải quyết trước. Về lâu dài, phải đáp ứng được yêu cầu mới của cách mạng trong thời kỳ đất nước đã thống nhất, cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 10 năm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược của Đảng, Chi bộ Yên Thượng ngày càng trưởng thành, đội ngũ cán bộ đảng viên trải qua thử thách trong sản xuất, chiến đấu tỏ ra vững vàng, phần lớn đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ, đi đầu trong mọi công tác, xứng đáng với niềm tin cậy của nhân dân.

Để có đội ngũ cán bộ kế cận, công tác phát triển Đảng cũng được Chi bộ chú trọng. Đi đôi với tăng cường số lượng đảng viên, Chi bộ còn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng cho đảng viên qua từng đợt học tập chính trị, học tập Nghị quyết của Đảng. Vì vậy, chất lượng đảng viên ngày một nâng cao, công tác xây dựng Đảng đã đạt những kết quả to lớn, góp phần làm cho Đảng vững mạnh, làm tròn nhiệm vụ cách mạng giao.

Sau đợt học tập Chỉ thị số 195 của Bộ Chính trị “*về việc vận động nâng cao chất lượng đảng viên*” năm 1970 và Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “*đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng*”, Chi bộ đã kiểm điểm nghiêm túc trong nội bộ và kết hợp với ý kiến tham gia của quần chúng, tiếp thu gần 100 ý kiến đóng góp của nhân dân. Sau 2 năm thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư, có những đảng viên đã bị xử lý bằng các hình thức kỷ luật. Từ đó, khối đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, giữa Đảng và toàn dân được duy trì tốt.

Năm 1975, Đại hội Chi bộ xã Yên Thượng lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1975-1977 được tổ chức thành công tốt đẹp. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được của nhiệm kỳ 1973-1975 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1975-1977 trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ ra sức phát triển sản xuất, tăng diện tích canh tác và năng suất cây trồng; thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, kiện toàn và tăng cường hiệu lực quản lý bộ máy chính quyền.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Ly được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Đường được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Trải qua 21 năm (1954-1975), khi nhân dân miền Nam đang sôi sục khí thế đấu tranh chống Mỹ cứu nước, nhân dân Yên Thượng đã cùng nhân dân miền Bắc đi qua một chặng đường đầy khó khăn, thử thách nhưng vô cùng tự hào. Đây là thời kỳ Chi bộ và nhân dân Yên Thượng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh; tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đem lại ruộng đất cho nhân dân lao động và tiến lên thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, mang lại những thành công nhất định ban đầu. Trải qua những thử thách lịch sử, Chi bộ xã ngày càng trưởng thành trong đường lối lãnh đạo và chỉ đạo.

Riêng trong 10 năm (1965-1975), dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do thiên tai và chiến tranh phá hoại

liên miên nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân Yên Thượng vẫn đảm bảo duy trì phát triển sản xuất, chiến đấu và góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ; không những thế còn huy động được một khối lượng của cải, nhân lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã, nhân dân Yên Thượng đã phát huy cao độ truyền thống cần cù, sáng tạo trong sản xuất, bản lĩnh anh hùng cách mạng để vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trên tất cả các mặt trận. Sản xuất nông nghiệp có phát triển, năm sau cao hơn năm trước. Sự ổn định và phát triển của sản xuất ở hậu phương là nhân tố quan trọng để góp phần đánh thắng giặc Mỹ trên chiến trường.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng, Chi bộ xã Yên Thượng đã không ngừng nâng cao năng lực tổ chức. Công tác xây dựng Đảng luôn được coi trọng. Việc nâng cao chất lượng đảng viên, tổ chức Đảng đã đem lại nhiều kết quả với cuộc vận động xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn “4 tốt”. Các đợt học tập Nghị quyết của Trung ương Đảng, các lớp đào tạo bồi dưỡng đảng viên đã giúp cho Chi bộ ngày càng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hầu hết các cán bộ, đảng viên đều nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu trong tư tưởng và hành động, kịp thời đấu tranh khắc phục những biểu hiện

tiêu cực. Thực tế cách mạng đã cho thấy, Chi bộ Yên Thượng đã trở thành trung tâm khối đoàn kết toàn dân, trở thành cầu nối giữa Đảng với quần chúng. Từ đó, huy động được sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi những mục tiêu cách mạng do Trung ương Đảng đề ra.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Yên Thượng có 106 con em các dân tộc lên đường chiến đấu trên khắp các chiến trường và các tuyến đường ác liệt, trong số đó có 5 đồng chí đã anh dũng hy sinh và 4 đồng chí là thương binh, một số đồng chí còn phục vụ tại ngũ. Khi đất nước thống nhất các đồng chí đã trở về địa phương và phát huy tốt bản chất của bộ đội cụ Hồ, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Như vậy, sau 21 năm cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa (1954-1975), dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng Yên Thượng, xã đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu của chủ nghĩa xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân bước đầu được cải thiện. Từ đó, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh tập thể, tự lực cánh sinh vượt qua mọi khó khăn ác liệt của thiên tai địch họa, vươn lên làm tròn nhiệm vụ với Nhà nước và nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến lớn. Những thành tựu mà Chi bộ và nhân dân Yên Thượng đạt được góp phần vào thắng lợi chung của công cuộc cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội toàn

miền Bắc, vào chiến thắng vĩ đại trước sự xâm lược của đế quốc Mỹ. Lịch sử đất nước đã bước sang một trang sử mới nhưng những đóng góp, hy sinh vào sự nghiệp cách mạng chung của Tổ quốc, mãi mãi là niềm tự hào của mỗi thế hệ người dân Yên Thượng hôm nay và mai sau. Những thành tựu trên đã tạo tiền đề quan trọng cho công cuộc xây dựng kinh tế - xã hội trên quê hương Yên Thượng trong giai đoạn cách mạng mới tiếp theo.

Chương IV

ĐẢNG BỘ YÊN THƯỢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TẬP TRUNG KHÔI PHỤC KINH TẾ, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT (1976-1986) VÀ THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1996)

I. CHI BỘ, ĐẢNG BỘ YÊN THƯỢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ HAI (1976-1980) VÀ THỰC HIỆN KHOẢN 100 TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (1981-1985)

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Để xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trước mắt chúng ta phải nỗ lực khắc phục hậu quả của 20 năm chiến tranh, ổn định và khôi phục kinh tế - văn hóa, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. Hòa trong niềm vui chung của dân tộc, Chi bộ và nhân dân xã Yên Thượng phấn khởi, vững tin bước vào thời kỳ cách mạng mới, từng bước ổn định

đời sống nhân dân và thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980).

Trên tinh thần Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III họp ngày 29-9-1975: *“Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”*¹. Cùng với cả nước, Chi bộ và nhân dân Yên Thượng đã khẩn trương bắt tay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương, ổn định mọi mặt đời sống nhân dân và bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Ngày 5-5-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ra Nghị quyết số 40, phát động đợt thi đua “Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng” (từ tháng 5-9/1975). Hưởng ứng Nghị quyết của Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện, Chi bộ đã tổ chức cho nhân dân lao động xã hội chủ nghĩa, lao động ngoài giờ lấy tiền mua tư liệu sản xuất gửi tặng đồng bào miền Nam.

Trong không khí thi đua sản xuất ngày càng sôi nổi, ngày 25-4-1976, cùng với cả nước, nhân dân Yên Thượng nô nức đi bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa VI

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 36, năm 1975, NXB Chính trị Quốc gia năm 2004.

(1976-1981). Đây là Quốc hội thống nhất đầu tiên của nước ta. Đã có khoảng 99% số cử tri trong xã đi bầu, đó là một thắng lợi to lớn bước đầu của nhân dân cả nước, trong đó có sự đóng góp của nhân dân Yên Thượng.

Trong kì họp đầu tiên diễn ra từ ngày 24/6 - 3/7/1976, tại Hà Nội, Quốc hội khóa VI đã thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của đất nước; về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Ủy ban hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân các cấp. Ủy ban nhân dân xã Yên Thượng lúc này do đồng chí Ma Văn Đường làm Chủ tịch, đồng chí Nông Văn Ngụy - Phó Chủ tịch.

Cuộc bầu cử Quốc hội thành công cùng với sự củng cố lại chính quyền địa phương đã làm cho mỗi người dân Yên Thượng hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ người công dân của nước Việt Nam thống nhất, đồng thời là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ và nhân dân Yên Thượng hăng hái thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 1976 và những năm tiếp theo. Để hoàn thành được nhiệm vụ chính trị, kinh tế của địa phương, Chi bộ, chính quyền và các hợp tác xã đã tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình trong việc tham gia bàn bạc xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch

phân phối sản phẩm, tham gia đóng góp ý kiến đối với cán bộ,... thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Sau khi tổ chức học tập trong Đảng, tiến hành tổ chức cho quần chúng nhân dân học tập, thảo luận, từ đó bàn biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện ở từng cơ sở. Vì vậy, nhận thức của nhân dân không ngừng được nâng cao, làm cơ sở cho quyền làm chủ của họ ngày càng được phát huy đầy đủ trong mọi lĩnh vực.

Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Sau khi phân tích tình hình trong nước và quốc tế, Đại hội đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980) là: Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Các đợt sinh hoạt chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 (khóa III), cùng với cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên theo tinh thần Chỉ thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương được Chi bộ xã Yên Thượng tiếp tục thực hiện, từng bước nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới. Chi bộ thường xuyên tăng cường và có

nhiều biện pháp bồi dưỡng cán bộ, đảng viên như tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị để nghiên cứu về Điều lệ Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, tỉnh, huyện hướng về Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại, dân tộc anh hùng... Qua đó, hầu hết cán bộ, đảng viên đều nâng cao nhận thức, tư tưởng, thấy rõ tình hình cách mạng trong giai đoạn mới, xác định rõ trách nhiệm trong việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng.

Năm 1977, Đại hội Chi bộ lần thứ IX, nhiệm kỳ 1977-1979 được tiến hành. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được của nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Nông Văn Tàn được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Đường được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Chi bộ, chính quyền xã đã chỉ đạo nhân dân kịp thời, khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ trong các năm tiếp theo.

Trong hoạt động nông nghiệp, nhân dân đã chủ động khắc phục những khó khăn của thời tiết (sương muối, rét đậm kéo dài, nắng nóng, hạn hán) và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, đưa giống mới vào gieo cấy nên diện tích vụ đông xuân đạt trên 90% kế hoạch. Vụ đông xuân năm 1976, nhân dân đã áp dụng gieo mạ qua đông và gieo mạ sân.

Những năm 1978-1979, việc cung cấp nông sản, thực phẩm và nhiều mặt hàng của Yên Thượng cho Nhà nước đã vượt chỉ tiêu, trong đó riêng lợn hơi vượt tới 13,4%. Các mặt hàng nông sản khác như đỗ, măng khô... đều đạt chỉ tiêu cấp trên giao.

Bên cạnh tập trung phát triển nông nghiệp, Chi bộ cũng chú trọng tới phát triển các hoạt động văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác.

Công tác y tế còn gặp nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm của cấp trên, nhân dân trong xã được khám chữa bệnh kịp thời, các bệnh dịch tả, thương hàn, sốt rét được phòng, chống, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân. Phong trào thực hiện 3 công trình vệ sinh (nhà vệ sinh, nhà tắm, giếng nước) được thực hiện tốt¹. Khi đau ốm nhân dân đã biết dùng thuốc trị bệnh, không đi bói toán hay tin ma. Các tệ nạn xã hội đã giảm dần. Việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được duy trì thường xuyên. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả khá.

Công tác giáo dục và đào tạo có nhiều bước phát triển mới. Năm học 1978-1979, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV về cải cách giáo dục,

1. Năm 1978, huyện Chợ Đồn được Bộ Y tế công nhận hoàn thành dứt điểm 3 công trình vệ sinh trong toàn huyện, là địa phương điển hình của các huyện miền núi về thực hiện “phong trào 3 công trình vệ sinh”.

ngành giáo dục đã có những nét nổi bật như phương pháp giảng dạy trong các trường được cải tiến, từng bước thực hiện 3 nguyên lý giáo dục: “*Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội*”.

Phát huy phong trào thi đua “2 tốt” trong giáo dục, mặc dù trong điều kiện chưa thật đầy đủ nhưng thầy, trò luôn phấn đấu đạt kết quả cao nhất. Chất lượng dạy và học tiếp tục được giữ vững. Hàng năm, xã đều tranh thủ sự giúp đỡ của huyện và sự ủng hộ của nhân dân để làm mới, sửa chữa phòng học bị hư hỏng, mua sắm thêm bàn ghế, đồ dùng học tập, đảm bảo công tác dạy và học của các nhà trường.

Thực hiện Chỉ thị số 24 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 159 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin: *Đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, bám sát yêu cầu của cách mạng và phù hợp với khả năng kinh tế, thúc đẩy tốt hơn nữa công cuộc xây dựng chế độ mới và nền kinh tế mới. Tăng cường đấu tranh xóa bỏ các tệ nạn xã hội cũ, những tàn dư của nền văn hóa phản động, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh có nhiều tiến bộ. Nhân dân trong xã đã không mời thầy “tào” trong đám tang, mà do ban tang lễ của xã hoặc hợp tác xã điều hành. Đám cưới được tổ chức với nghi thức đơn giản và tiết kiệm nhưng vẫn long trọng, vui vẻ. Phong trào văn*

nghệ quần chúng duy trì đều đặn và sôi nổi, góp phần tăng thêm tình đoàn kết trong nhân dân.

Công tác quốc phòng - an ninh được quan tâm đặc biệt. Cuối năm 1978, đầu năm 1979, thế lực phản động liên tiếp gây ra hai cuộc xâm lấn lãnh thổ ở phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc. Trước tình hình đó, để bảo vệ nền độc lập, hòa bình của tổ quốc, thực hiện lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, nhân dân Yên Thượng cùng nhân dân trong huyện tiếp tục cầm súng lên đường chiến đấu. Với tinh thần “đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”, nam, nữ thanh niên trong xã đã xung phong lên đường chiến đấu, người ở lại tham gia sản xuất, phát triển kinh tế, đảm bảo vai trò hậu phương vững chắc cho những người ra trận. Cuối năm 1978, nhân dân các dân tộc trong xã đã quyên góp hàng trăm cây chông tre lên tỉnh Cao Bằng để xây dựng tuyến phòng thủ biên giới Việt - Trung. Trong cuộc chiến đấu này có 2 người con của Yên Thượng là Nông Văn Cao và Ma Văn Hợi đã anh dũng hy sinh và được phong là liệt sỹ.

Sau chiến tranh, mặc dù các thế lực thù địch luôn tìm cách chống lại nước ta. Ở Chợ Đồn, chúng tung tin đồn thất thiệt, rải truyền đơn bằng tiếng nước ngoài gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, nhưng Chi bộ, chính quyền địa phương cùng với lực lượng an ninh xã đã làm tốt công tác tư tưởng, động viên quần chúng

nhân dân tin tưởng vào cách mạng, yên tâm sản xuất, chiến đấu. Qua đó, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn được giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được chú trọng. Nhận thức sâu sắc vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và cán bộ đảng viên có ý nghĩa quyết định đến kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế văn hóa ở địa phương, Chi bộ Yên Thượng luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thông qua các đợt học tập Chi thị, Nghị quyết của cấp trên, trình độ nhận thức cũng như ý thức giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao.

Năm 1979, Đại hội Chi bộ xã Yên Thượng lần thứ X, nhiệm kỳ 1979-1981 được tổ chức. Đại hội ban hành nghị quyết về việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển y tế, văn hóa, giáo dục. Đặc biệt, Nghị quyết cũng nhấn mạnh đến vấn đề khắc phục những tác động lớn của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, nhanh chóng ổn định tình hình chính trị - xã hội.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Hà Sỹ Dư được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Nông Văn Tần được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Việc thực hiện Chi thị số 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư (khóa IV) “Về việc phát thể đảng

viên” đã góp phần nâng cao ý thức Đảng cho đảng viên, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở Đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng trong thời gian qua. Tính đến tháng 12-1981, toàn Chi bộ có 33 đảng viên, trong đó có 33 đảng viên được nhận thẻ. Công tác phát thẻ Đảng đã góp phần nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của đảng viên, Chi bộ xã được củng cố ngày càng vững mạnh, đáp ứng được những nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, kinh tế nước ta lâm vào khủng hoảng. Riêng ở huyện Chợ Đồn, lương thực thiếu nghiêm trọng, nhân dân thiếu ăn, dẫn đến tình trạng không yên tâm sản xuất, làm giảm sút niềm tin và ý chí phấn đấu. Để khắc phục những nhược điểm trong cải tạo nông nghiệp, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW “Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”.

Chỉ thị 100 chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán theo đội sang khoán theo nhóm và người lao động, từ đó đáp ứng được nguyện vọng, quyền lợi của người nông dân trong sản xuất. Khoán 100 là kết quả của quá trình khảo nghiệm, bước đầu tìm tòi, đổi mới tư duy của Đảng và Nhà nước nhằm “cởi trói” cho hộ xã viên, giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp,

tạo động lực mới đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đây là một chủ trương mới, một mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển hướng chỉ đạo quản lý sản xuất nông nghiệp của Đảng và Nhà nước ta.

Theo cơ chế mới, hợp tác xã chịu trách nhiệm 5 khâu¹, xã viên đảm bảo 3 khâu². Khoán sản phẩm bắt đầu từ cây lúa, đến cây màu, cây công nghiệp và chăn nuôi. Với hình thức khoán này, tuy chỉ nhận khoán ở một số khâu nhất định nhưng bước đầu đã khuyến khích các gia đình mạnh dạn đầu tư, chủ động chăm bón, thâm canh, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi.

Năm 1981, Đại hội Chi bộ lần thứ XI, nhiệm kỳ 1981-1983 được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả của nhiệm kỳ trước, ban hành Nghị quyết về việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; trong đó nhấn mạnh Chỉ thị 100-CT/TW là một bước ngoặt lớn trong sản xuất nông nghiệp, khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện chỉ thị là vấn đề tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Hà Sỹ Dư tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Thư được bầu là Thường trực Đảng.

1. Làm đất, đảm bảo nước, giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh.

2. Gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch.

Bắt tay vào thực hiện theo Chỉ thị 100, Chi bộ chú ý quan tâm giáo dục động viên tinh thần làm chủ của xã viên và đảm bảo hài hòa 3 lợi ích giữa xã viên, hợp tác xã và Nhà nước, khuyến khích người lao động từng bước khắc phục tình trạng buông lỏng, khoán trắng, mất dân chủ, gán trách nhiệm của người lao động với sản phẩm cuối cùng, hạn chế lãng phí nhằm tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập của xã viên, kích thích sản xuất phát triển.

Vụ mùa năm 1981, với điều kiện về tư liệu sản xuất tốt, giúp nhân dân đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, bà con nông dân đã tự giác đầu tư thêm công lao động, phân bón, cải tiến giống lúa mới để tăng năng suất. Vì vậy, năm 1981 dù gặp khó khăn trong sản xuất, song diện tích lúa toàn xã vẫn đạt hàng trăm hecta, năng suất và sản lượng đều tăng, năng suất lúa đạt khoảng 30 tạ/ha.

Trong sản xuất nông nghiệp, Yên Thượng đồng thời đẩy mạnh phát triển trồng trọt. Chi bộ và nhân dân Yên Thượng luôn coi trọng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi toàn diện gia súc, gia cầm ở cả 2 khu vực kinh tế chăn nuôi hộ gia đình và tập thể, cải tiến các biện pháp kỹ thuật, công tác quản lý... tạo điều kiện cho số lượng trâu, bò tăng đáng kể, đáp ứng nhu cầu sức kéo của địa phương.